

SỐ 421

KINH BỒ-TÁT PHẤN TẤN VƯƠNG HỎI PHẬT

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư Cù-đàm

Bát-nhã Lưu-chi.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật đang trú tại vườn Cấp cô độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc thành Xá-bà-đề cùng với đại chúng Tỳ-kheo hai vạn người, Đại Bồ-tát một vạn người. Tên của các vị đó là Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Sư Tử Tràng, đều là những bậc thượng thủ, chỉ còn một đời nữa là chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, trong chúng, có một vị Đại Bồ-tát tên Phấn Tấn Vương, cũng đang ở trong hội ấy. Đức Thế Tôn được vô lượng trăm ngàn quyến thuộc vây quanh, cung kính, cúng dường, vì họ nói pháp nghĩa về chỗ tu hành của hành giả Đại thừa.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Phấn Tấn Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh y phục, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất chấp tay hướng về Phật, đánh lễ, rồi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có ít điều muốn hỏi, cúi xin Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri giải thích cho con.

Phật bảo:

–Này Phấn Tấn Vương! Ông cứ hỏi, ta sẽ giải đáp để cho ông được toại nguyện. Nếu ông hỏi thế nào thì ta giải đáp thế ấy.

Bồ-tát Phấn Tấn Vương thưa:

–Dạ vâng, thưa Thế Tôn! Con rất muốn nghe.

Được Thế Tôn cho phép, Bồ-tát Phấn Tấn Vương hết sức vui mừng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại thừa Phấn tấn của Đại Bồ-tát? Và làm thế nào, để nói pháp Đại thừa này cho chúng sinh? Làm sao đem pháp Phấn tấn đó để phá tan tất cả quân ma, tất cả những hạng người ngã mạn, tất cả người hay tranh cãi, tất cả những người còn phân biệt hỷ lạc kiến, khiến cho những hạng người này, trụ vào Đại thừa, đại nguyện được đầy đủ, giới hạnh thành tựu, đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật khen:

–Hay thay, hay thay! Này Phấn Tấn Vương! Hay thay, Phấn Tấn Vương! Nay ông có thể hỏi Như Lai về nghĩa này. Vậy nay, ông hãy suy nghĩ, lắng nghe, ta sẽ phân biệt, giải thích việc ông vừa mới hỏi: “Như Bồ-tát, như Đại thừa Phấn tấn, đem pháp Đại thừa này nói cho chúng sinh và dùng Phấn tấn ấy phá tất cả quân ma, tất cả người ngã mạn, tất cả người phân biệt hỷ lạc kiến, làm cho những hạng người này trụ vào Đại thừa, đầy đủ đại nguyện, thành tựu giới hạnh, cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Phấn Tấn Vương thưa:

–Đúng vậy! Thưa Thế Tôn! Con rất muốn nghe.

Phật bảo:

–Này Phấn Tấn Vương! Có bốn thứ phấn tấn:

1. Giới phấn tấn.
2. Thần thông phấn tấn.
3. Trí phấn tấn.
4. Tuệ phấn tấn.

Phấn Tấn Vương! Đây là bốn thứ Phấn tấn của Bồ-tát.

Phấn Tấn Vương! Thế nào là giới phấn tấn? Bồ-tát này giới được đầy đủ; nghĩa là giới không khiếm khuyết; giới không bị rỉ

lũng, giới không có xen tạp; giới không phân biệt; giới không hối, giới không hủy phạm; giới không phiền não; giới khéo phòng hộ, giới được người trí khen ngợi; giới thuận đạo; giới thành tựu pháp cho người khác; giới hộ trì tất cả pháp; giới yêu thích; giới không nương vào tất cả các nẻo mà sinh; giới an trụ vào Xa-ma-tha; giới tùy thuận Tỳ-ba-xá-na; giới pháp thâm diệu giải thoát; giới thông suốt không thoái chuyển; giới Không, Vô tướng; Vô nguyện; giới thanh tịnh vắng lặng; giới nói về Phật, Pháp, Tăng; giới không bỏ tất cả chúng sinh; giới tâm Từ hộ, giới lấy đại Bi làm căn bản; giới trí thanh tịnh; giới không phân biệt oai nghi; giới công đức Đầu-đà; giới ruộng phước đức; giới thanh tịnh rốt ráo; giới không đoạn mất hạt giống Như Lai; giới giữ gìn hạt giống pháp; giới diện kiến Thánh tăng; giới khéo trụ vào tâm Bồ-đề; giới trụ vào sáu Ba-la-mật; giới tu hành Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn, Lực, Bồ-đề, tám Thánh đạo; giới sinh tất cả Bồ-đề pháp phần.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát đầy đủ giới như vậy thì đại nguyện mới thành tựu.

Thế nào là Bồ-tát giới nguyện đầy đủ? Đến thời kỳ kiếp thiêu, lửa cháy đầy cả tam thiên đại thiên thế giới; nếu Bồ-tát nguyện đầy đủ như vậy, muốn cho lửa tắt thì lửa liền tắt; nếu muốn nước đầy cả tam thiên đại thiên thế giới thì nước liền đầy; muốn cho hoa đầy cả thì liền được như ý; muốn của báu đầy cả thì liền đầy cả. Lại nữa, nếu muốn tất cả núi Tu-di trong hằng hà sa thế giới hợp lại thành một núi thì liền hợp làm một.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát đầy đủ như vậy rồi; nếu muốn tất cả các biển, trong hằng hà sa thế giới, hợp lại làm một biển, liền thành một biển. Bồ-tát do trụ vào giới lực, tùy tâm sở nguyện đều được thành tựu, tất cả ý niệm đều được tùy ý.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát trụ nơi giới phấn tấn như thế, nếu người nào trụ vào giới như thế thì tùy nguyện, đều được thành tựu, nghĩa là thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Phấn Tấn Vương! Vào thời quá khứ xa xưa; trải qua a-tăng-kỳ kiếp, vô lượng đại kiếp không thể nghĩ bàn; có Đức Phật hiệu Quang Minh Vô Cấu Quang Vương Như Lai, Ứng Cúng,

Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời.

Này Phấn Tấn Vương! Lúc đó, trong giáo pháp của Như Lai Quang Minh Vô Cấu Quang Vương có một Bồ-tát tên Kim Cang Tề, an trụ vào giới lực, vào giới thiện thanh tịnh, rất siêng năng tinh tấn, kính hành nơi A-lan-nhã, thích tu Thánh pháp, muốn thành tựu pháp Phật. Kim Cang Tề mới quan sát như vậy: Nếu người không phân biệt tất cả pháp, mới gọi là giới. Nếu người không ham thích mọi vật, mới gọi là giới. Nếu ai chấm dứt được tất cả phiền não, mới gọi là giới. Nếu biết được thân mình như là bóng trong gương, mới gọi là giới. Nếu đối với lời nói và tiếng bình đẳng thì mới gọi là giới. Nếu quán tâm, pháp cũng giống như huyễn hóa, không khác, mới gọi là giới. Nếu thấy pháp thiện và pháp bất thiện là không hai, mới gọi là giới. Nếu quán bất tịnh là để trừ diệt tham dục, mới gọi là giới. Nếu quán Từ bi là để trừ diệt sân hận, mới gọi là giới. Nếu dùng trí tuệ để trừ diệt ngu si, mới gọi là giới. Không phân biệt tham dục, sân, si, mới gọi là giới. Nếu phân biệt thấy tất cả pháp, không có phân biệt, mới gọi là giới. Không phải ngã kiến, không phải chúng sinh kiến, cũng không phải mạng kiến Phú-già-la kiến, không phải thường kiến, mới gọi là giới. Nếu tất cả các pháp, không hòa hợp hành được thì mới gọi là giới. Nếu ở nơi tất cả tâm không kinh sợ mới gọi là giới, không nương tựa vào ba cõi mới gọi là giới. Nếu tin vào các pháp tất cả không sinh, mới gọi là giới. Nếu tâm tin hiểu không sinh pháp nhãn, mới gọi là giới. Không mong chờ tài lợi cúng dường, mới gọi là giới. Nếu không sợ không, mới gọi là giới. Tu vô tướng mới gọi là giới. Nếu xa lìa nguyện cầu mới gọi là giới. Nếu đối với giới tụ, tâm không chấp vào giới thì mới gọi là giới. Không dựa vào giới tụ để tự cao ngạo khinh miệt người khác, mới gọi là giới. Nếu đối với các nhập mà không khen ngợi, mới gọi là giới. Nếu ở nơi các cảnh giới mà không hành không tham đắm, mới gọi là giới. Bình đẳng với năm ấm, pháp ấm, mới gọi là giới. Pháp giới bình đẳng ở trong các cõi, mới gọi là giới. Nếu không tranh cãi, mới gọi là giới. Hành các việc thiện pháp không bao giờ ngừng nghỉ, mới gọi là giới.

Biết tất cả các pháp rốt ráo đều tịch diệt, biết tịch diệt rồi, thân được chánh hạnh mới gọi là giới.

Này Phấn Tấn Vương! Lúc đó, Bồ-tát Kim Cang Tề dùng pháp như vậy, để trụ vào giới thành tựu, tu hành Thánh pháp, siêng năng tinh tấn và không bao giờ rời chánh quán.

Lúc đó, có ma tử tên là Giá, thấy Tỳ-kheo ấy, dùng pháp như vậy, trụ vào giới thành tựu, lại còn tu hành Thánh pháp, siêng năng tinh tấn, không rời chánh quán và kinh hành suốt như thế, liền dẫn tám vạn bốn ngàn quân ma, tất cả đều mặc áo giáp đến chỗ của Tỳ-kheo, tự ẩn thân để tìm sự sơ hở mà phá. Ma tử bám sát Tỳ-kheo một ngàn năm, các quân ma cũng theo một ngàn năm, mà vẫn không tìm thấy Tỳ-kheo có một tâm niệm nào tán loạn. Bọn chúng vẫn không nản chí, cố tìm cho ra tâm loạn, hễ khi thấy được tâm loạn, liền gây ra mọi chướng ngại để nã hại. Trải qua một ngàn năm, mà vẫn không tìm được sự sơ hở, do đó ma Giá và quân ma liền hiện nguyên hình, tay cầm đao, giáo, gậy gộc đến trước Tỳ-kheo để khủng bố, mục đích là làm cho Tỳ-kheo kinh sợ.

Thấy quân ma tay cầm giáo mác và các thứ gậy gộc khí giới để khủng bố, Bồ-tát Kim Cang Tề liền thề nguyện: Nay ta chân thật đối với pháp này và chánh quán tu hành giới tụ thanh tịnh, việc này, nếu đúng như thật thì tất cả giáo mác gậy gộc mà bọn ma đang cầm đến, đều biến thành hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Chiêm-bà-ca, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-sư-ca và những vòng hoa. Còn thân của ma và các quân ma đều như thân ta, chánh trụ vào oai nghi.

Này Phấn Tấn Vương! Tỳ-kheo Kim Cang Tề thề nguyện như vậy rồi, tất cả giáo mác gậy gộc của bọn ma, liền biến thành các loại hoa và vòng hoa, đủ mọi màu sắc, hương thơm vi diệu, làm cho người thấy hay nghe đều vui thích. Còn tất cả thân sắc hình tướng của ma, đều giống như thân của Tỳ-kheo, mọi cử chỉ hành động như người xuất gia, cũng cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chính mình và người khác cũng đều như thế.

Này Phấn Tấn Vương! Lúc đó ma Giá thấy thần thông thù thắng của Tỳ-kheo như vậy rồi nên sinh tâm hy hữu, cùng với bọn

ma đánh lễ sát chân Tỳ-kheo Kim Cang Tề và hỏi: Đại tiên! Ông được pháp gì và trụ vào thần thông lực nào mà có khả năng như vậy?

Phấn Tấn Vương! Bồ-tát Kim Cang Tề đã đáp với ma Giá thế này: Đại tiên nên biết! Pháp như vậy, đâu có để mà trụ, vì tất cả pháp là Bất khả đắc. Đại tiên nên biết, thân, khẩu, ý đều không có chỗ nương tựa, chỗ không nương tựa này, chính là chỗ trú của ta. Vì tất cả pháp, trú vào nơi không có chỗ nương tựa. Đại tiên nên biết, người trụ như vậy, không trụ hữu tướng, không trú vô tướng, đây mới gọi là trụ. Người trụ như vậy, chẳng trú ở hữu pháp, không trú ở vô xứ, nên mới gọi là trụ.

Khi ấy, ma Giá thưa với Bồ-tát Tỳ-kheo Kim Cang Tề: Một ngàn năm tôi quán tâm hạnh của Bồ-tát, luôn cố tìm sự sơ hở của Bồ-tát, nhưng mà không thể được.

Bồ-tát Tỳ-kheo Kim Cang Tề nói: Giả sử như, trong hằng hà sa kiếp, Đại tiên cố tìm cầu tâm hạnh của tôi, cũng không tài nào được! Vì sao? Vì tâm, không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên, cũng không ở giữa. Lại nữa, này Đại tiên! Tâm hạnh của người huyễn, ông có thể tìm được không?

Ma đáp: Với Tỳ-kheo đây còn không thể được, huống gì là người huyễn không có tâm, không có suy nghĩ; vậy thì biết đâu mà tìm được!

Tỳ-kheo Bồ-tát nói: Này Đại tiên! Như Lai thường dạy: “Tất cả các pháp đều như huyễn tướng, không tâm khả đắc, không suy nghĩ khả đắc.”

Ma thưa: Thưa Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo nói không tâm, không suy nghĩ khả đắc; vậy thì Tỳ-kheo hành như thế nào? Hoặc đến hoặc đi? Lại nữa, làm sao có nói năng?

Tỳ-kheo Bồ-tát đáp: Này Đại tiên! Như sự hành của người huyễn; hoặc đến, hoặc đi hay nói năng. Tôi cũng hành như vậy, đến đi như vậy, nói năng như vậy.

Ma hỏi: Thưa Tỳ-kheo! Nếu như vậy thì việc Tỳ-kheo siêng năng tinh tấn, an trụ, trì giới, tu hành Thánh pháp, phát tâm hành như thế là mong cầu nơi nào?

Tỳ-kheo đáp: Không phát, không hành và cũng không chỗ

mong cầu.

Ma hỏi: Thế nào là không phát, không hành, không chỗ mong cầu?

Tỳ-kheo đáp: Chỗ như vậy là không có người đi, không có người đến và không có người sẽ đi. Đại tiên nên biết, không phát khởi, không hành dụng đó là vô nguyện.

Lại nữa, này Đại tiên! Ông vừa mới hỏi: “Tỳ-kheo siêng năng tinh tấn, an trụ, trì giới, tu hành Thánh pháp, phát tâm và thực hành như vậy; là tìm cầu chỗ nào?” Vậy người hãy lắng nghe việc cầu này của ta. Không phải cầu sắc sinh; không phải cầu sắc diệt, không phải cầu sắc xứ; không thọ, không tưởng, không hành cũng như vậy. Không phải cầu thức sinh, không cầu thức diệt, không cầu thức xứ; cho đến tất cả pháp cũng không cầu sinh, cũng không cầu diệt, cũng không tìm cầu nơi chốn.

Đại tiên nên biết! Nếu chánh xứ ấy không phải sắc thuộc về, cũng như vậy không phải thọ, tưởng, hành, thức thuộc về là chỗ cầu của ta, ta cầu nơi ấy. Nếu không thể thấy, là chỗ mong cầu của ta. Nếu chánh xứ ấy không phải sắc thuộc về; cũng như vậy, không phải thọ, tưởng, hành, thức thuộc về; chánh xứ như thế là chỗ cầu của ta; nhưng ta không thấy chỗ cầu ấy của ta. Đại tiên nên biết! Thánh nhân cầu như thế nào thì ta cầu như thế ấy.

Ma thưa: Thưa Tỳ-kheo! Chỗ Thánh nhân kia làm sao mà cầu?

Tỳ-kheo Bồ-tát đáp: Này Đại tiên! Hoặc pháp phạm phu, hoặc pháp Phật, tất cả pháp này đều bình đẳng không hai. Hoặc pháp Học, pháp Vô học, pháp Phật, tất cả pháp này bình đẳng không hai. Hoặc pháp Duyên giác, hoặc pháp Phật, tất cả pháp này đều bình đẳng không hai. Hoặc pháp quá khứ, hoặc pháp hiện tại, hoặc pháp vị lai, tất cả pháp này đều bình đẳng không hai. Do không sinh bình đẳng cho nên bình đẳng; không xuất bình đẳng, nên bình đẳng; không diệt bình đẳng, nên bình đẳng. Nếu có người với bình đẳng như vậy, mà không xả bỏ, mới là tu bình đẳng, nên có thể vì chúng sinh, thuyết pháp. Đại tiên nên biết, chánh xứ như vậy, ta cầu như vậy. Chánh xứ như vậy không phải là Dục giới xứ, không phải Sắc giới xứ, không phải Vô sắc giới xứ. Nếu người trụ vào bình đẳng như

vậy thì bất động như pháp, chẳng phải hành, chẳng phải không hành, mà cũng không phải khiến người khác hành. Đại tiên nên biết, đây mới gọi là chánh xứ. Phát hành như thế, tất cả các pháp cứ như vậy, mà phát hành; như pháp giới phát hành, tất cả các pháp cứ như vậy, mà phát hành; như thật tế phát hành tất cả các pháp cứ như vậy, mà phát hành. Nếu cầu như vậy thì người ấy không thể thấy hành xứ như vậy, tâm không vui thích, nên gọi là chánh xứ.

Khi ấy, ma Giá thưa: Thưa Tỳ-kheo! Làm thế nào để được tu hành chân chánh?

Tỳ-kheo đáp: Ta đối với việc tu hành chân chánh này được vô sở đắc, hay không vô sở đắc, đều bình đẳng tròn đủ. Vậy thì, người hỏi được pháp nào? Nếu đã có sở đắc thì không phải là tu hành chân chánh, đến khi nào lìa được mạn, mới gọi là tu hành chân chánh. Người tu hành chân chánh, không có pháp sở đắc; nếu đã nói là người tu hành chân chánh thì thật không có chỗ tu.

Khi ấy ma Giá thưa: Thưa Tỳ-kheo! Làm thế nào để cầu giới Cụ túc?

Tỳ-kheo đáp: Ta trụ vào giới này là để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhờ thế mà đạt được pháp không diệt, pháp không sinh.

Ma hỏi: Làm thế nào để giác ngộ Bồ-đề?

Tỳ-kheo đáp: Biết được sắc bình đẳng là giác ngộ Bồ-đề, biết thọ, tưởng, hành, thức đều bình đẳng; biết tất cả pháp đều bình đẳng; là giác ngộ Bồ-đề.

Ma hỏi: Bồ-đề đó cầu ở đâu?

Tỳ-kheo đáp: Đại tiên nói Bồ-đề ấy, là cầu trong thân kiến.

Ma lại hỏi: Làm sao mà cầu?

Tỳ-kheo đáp: Bồ-đề không phải khởi, thân kiến không phải khởi, như cầu thân kiến Bồ-đề cũng vậy. Ta cầu như thế.

Tới đây thì ma Giá lại hỏi Tỳ-kheo Kim Cang Tề: Thầy của ông là ai? Ai dạy ông biện tài giỏi như vậy?

Tỳ-kheo đáp: Nay Đại tiên! Không sân tức, tự thân được Bồ-đề, đó là thầy của ta. Không trụ vào nhiễm, không trụ vào tịnh, đó là

thầy của ta. Nếu có những người nào, biết mà không trụ vào thường, không trụ vào vô thường thì đó là thầy của ta. Nếu có người nghe pháp mà không trụ vào pháp và không phân biệt pháp, nghe như thế, liền vượt qua biển khổ si mê, đó là thầy của ta. Nếu người có trí có khả năng biết tất cả các pháp, biết một cách tường tận, chứ không phải biết theo thứ lớp thì đó là thầy của ta. Nếu người có khả năng biết hết tất cả ngôn ngữ, một cách rành rẽ, không phải theo thứ tự, mà không có phân biệt đó chính là thầy của ta. Nếu tất cả các pháp; không sinh, không xuất, Chuyển thánh pháp luân, đó chính là thầy của ta. Nếu không phải trụ bên kia, không phải trụ bên này, cũng không phải trụ khoảng giữa; đó chính là thầy của ta. Nếu nói tất cả pháp không sinh mà tự sinh thì đó là thầy của ta. Nếu nói tất cả pháp không diệt mà tự diệt; thì đó là thầy của ta. Ta nương vào các thầy ấy, nên được biện tài như vậy.

Ma hỏi: Tại sao Đức Như Lai chuyển pháp luân?

Tỳ-kheo đáp: Không phải sắc chuyển, không phải sắc chân như, không phải là sắc pháp, không phải là sắc Không, không phải sắc Vô tướng, không phải sắc Vô nguyện, không phải sắc tịch tĩnh, không phải sắc xa lìa, không phải sắc không sinh, không phải bản tánh của sắc, không phải tự thể của sắc, không phải tự thể chuyển, không phải là không chuyển. Như vậy lần lượt thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chuyển, chẳng phải không chuyển. Thức như thức pháp, thức Không, Vô tướng, Vô nguyện tịch tĩnh, thức lìa bản tánh không sinh, tự thể chẳng phải chuyển, chẳng phải không chuyển. Pháp luân Như Lai như vậy chuyển. Tất cả pháp luân là luân chuyển. Nếu pháp luân chuyển ấy, không chuyển thì vô lượng pháp giới báo tế không xả. Nếu người có khả năng biết pháp luân chuyển đó thì đối với người này, luân ấy tức là chuyển.

Khi ấy, ma Giá và quân ma xin làm đệ tử Tỳ-kheo Kim Cang Tê và thưa: Hôm nay chúng con xin quy y Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo nói: Các người chớ quy y ta, nên đến quy y với Đức Như Lai Quang Minh Vô Cấu Quang Vương, pháp mà ta vừa nói, đó chính là pháp của Đức Phật ấy.

Ma nói: Nếu vậy thì chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ của Như

Lai ấy.

Khi đó, Tỳ-kheo Kim Cang Tề cùng với ma Giá và tám vạn bốn ngàn quân ma, đến chỗ Phật Quang Minh Vô Cấu Quang Vương. Đến rồi, cùng nhau đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, chắp tay hướng về Phật.

Khi ấy, đức Quang Minh Vô Cấu Quang Vương, vì các chúng ma, nói thứ lớp về trụ giới này, cho đến việc tu hành Thánh pháp. Cứ như pháp mà nói, nhờ đó mà các ma đều đạt Bất thoái Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Phấn Tấn Vương! Ý ông nghĩ sao? Tỳ-kheo Kim Cang Tề đâu phải người nào lạ? Ông chớ nhìn đâu khác. Vì sao? Vì ông chính là Tỳ-kheo Kim Cang Tề đó, còn Bồ-tát Trì Địa, chính là ma Giá. Phấn Tấn Vương là Bồ-tát giới phấn tấn. Bồ-tát được giới phấn tấn này rồi, liền thị hiện nguyện thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu cho vô lượng chúng sinh đạt đến Bồ-đề, phá trừ ma oán, mau đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là Bồ-tát thần thông phấn tấn? Sao gọi là thần thông phấn tấn? Phấn tấn có năm thứ: Một là Thiên nhãn, hai là Thiên nhĩ, ba là tha tâm trí, bốn là niệm túc mạng, năm là thần thông.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là Thiên nhãn thông phấn tấn của Bồ-tát? Là nếu người có nhãn căn mà những thứ tường vách, không thể làm chướng ngại được; cây gỗ, núi rừng, núi Tu-di luân và các núi trong thế giới, đều không thể làm chướng ngại. Mắt không chướng ngại của người ấy, có khả năng thấy mười phương, vô lượng, vô số thế giới chư Phật cũng như một thế giới. Dù có các vật nhưng, người ấy nhìn, vẫn thấy như hư không; các thế giới này, kia; đều không thể làm cản trở. Thấy thế giới Phật kia, bình đẳng như một, thấy chư Phật Thế Tôn đó được các Thanh văn vây quanh, tất cả đều thấy. Thấy hết thấy Phật; thấy một Đức Phật tin hiểu tất cả pháp giới không hủy hoại việc tu hành. Nếu thấy một Đức Phật thanh tịnh thì như thấy tất cả chư Phật thanh tịnh, thấy tất cả chư Phật thanh tịnh thì cũng như thấy một Đức Phật cũng thanh tịnh. Như vậy, nếu đã thấy Phật thanh tịnh thì tự nhập vào thanh tịnh; người đó nhờ vậy,

mà tự nhập vào thanh tịnh, tức tất cả pháp đều thấy thanh tịnh. Tự thấy thanh tịnh và thấy pháp thanh tịnh, cả hai tướng đó, đều không chấp. Nếu các Thanh văn thấy Thế Tôn kia thanh tịnh và cái thấy của các Thanh văn cũng không sai khác. Hễ Thanh văn thấy như vậy, tức là thấy Phật, Phật thấy như vậy, tức là thấy Thanh văn. Nếu các chúng sinh, trong vô lượng, vô biên thế giới; nếu có chúng sinh thuộc vào thân ngạ quỷ hoặc thân trời, thân người, hoặc A-tu-la, hoặc hành Dục giới, trừ Vô sắc giới ra, còn tất cả cõi khác, người kia đều thấy: Hoặc diệt, hoặc sinh, hoặc giảm, hoặc tăng, như vậy là biết hết tất cả nghiệp báo của chúng sinh. Tuy người kia thấy chúng sinh và biết nghiệp báo của chúng sinh, nhưng thật ra không sinh ý tưởng về chúng sinh, là vì biết chúng sinh đều vô ngã. Tuy biết nghiệp báo, nhưng không sinh ý tưởng nghiệp báo. Do thế, mà nhập vào tất cả pháp không nghiệp báo. Thiên nhãn của người ấy là thấy tất cả sắc, nhưng không chấp trước vào sắc tướng; vì tất cả sắc đều là không có thể. Biết tất cả sắc tướng là không thật, vì thật tế của các sắc là không. Thiên nhãn của người kia, do nhân duyên gì mà thấy vậy? Nhờ vào trí lực, cho nên có khả năng thấy như thế, những chỗ đã thấy kia, cũng đều thấy như vậy. Tùy nơi tự tâm mà muốn, như muốn không thấy tất cả thì không thấy tất cả. Còn như tâm mong muốn thấy tất cả sắc, liền tùy theo tâm mà thấy, chứ không hề có một số sắc mà nhãn lực không thấy. Người ấy, ở trong vô lượng trăm ngàn chúng sinh, tu thiền định, Tam-muội giải thoát, Tam-ma-bạt-đề mà mắt chúng sinh không thể thấy. Vì sao? Vì Bồ-tát như vậy, biết chân như pháp là vô ngã. Cho nên, cứ theo sự mong cầu của chúng sinh, hoặc là trời Sắc giới, hoặc thân vi tế, thân thiện diệu, thân quang minh, thân không giống nhau, hiện vào cõi trời ấy để hiện bày thân Bồ-tát và khiến cho chư Thiên ở cõi trời đó thấy thân của Bồ-tát, Bồ-tát như vậy, thấy thân chư Thiên kia. Hoặc muốn cho chư Thiên thấy thân Bồ-tát và tự thấy thân mình, liền làm cho thấy. Hoặc muốn cho chư Thiên thấy thân mình, mà không thấy thân Bồ-tát, liền không thấy thân Bồ-tát. Hoặc muốn cho chư Thiên thấy thân Bồ-tát, không thấy tự thân, liền thấy Bồ-tát, mà không thấy tự thân. Nay Phấn Tấn Vương! Bồ-tát thành tựu Thiên nhãn như vậy.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là Thiên nhĩ thông phấn tấn của Bồ-tát?

Bồ-tát thành tựu được Thiên nhĩ, tất cả các tiếng trong vô lượng, vô biên thế giới; như là tiếng Trời, tiếng Rồng, tiếng Dạ-xoa, tiếng Càn-thát-bà, tiếng A-tu-la, tiếng Ca-lâu-la, tiếng Khẩn-na-la, tiếng Ma-hầu-la-già, tiếng Nhân phi nhân, tất cả tiếng như vậy, đều nghe cả. Tuy nghe các tiếng như thế, nhưng không chấp trước vào tự tướng và chúng sinh tướng. Không chấp tướng của tiếng, nhưng lại biết tất cả tướng của âm thanh. Tuy nghe âm thanh, nhưng đối với thanh và nơi phát ra âm thanh, luôn tin hiểu nó là không thật, tiếng trước, tiếng sau, đều là không có tiếng. Thông đạt như vậy, tiếng kia là không xứ. Tin hiểu không xứ như thế thì nhĩ căn thức giới không bị chướng ngại. Khi nghe được tiếng đó rồi liền biết nghĩa của tiếng đó.

Thế nào là nghĩa của tiếng?

Tất cả các tiếng là không thể phân biệt, không thể nói ra. Đó là nghĩa của tiếng.

Nghĩa tịch tịch là nghĩa của tất cả âm thanh, Bồ-tát ấy, thuận hành với nghĩa này, nghe tất cả tiếng, mà không sinh sự nương tựa, là vì mọi pháp đều không sinh. Nếu ở nơi mười phương, vô số thế giới; đối với chư Phật hiện tại, hiện mạng, hiện trụ đang có nói pháp thì Thiên nhĩ của Bồ-tát nghe được pháp đó, mà không bị chướng ngại. Không chấp trước vào thanh xứ, mà lại nghe được tất cả âm thanh thuyết pháp, nghe rồi, thọ trì, không để quên mất. Tại sao không quên? Nếu Bồ-tát ấy, được một câu thì có thể quên, còn đây Bồ-tát không được một câu nào, nên không quên. Bồ-tát ấy, nghe pháp hữu lậu, nghe pháp vô lậu, hoặc nghe pháp thường, pháp vô thường, nghe pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, pháp thiện, pháp bất thiện, pháp tăng, pháp giảm, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Duyên giác, hoặc pháp Đại thừa. Tất cả pháp đó, đều là một thể, một vị. Thuận hành được như vậy, khi nghe pháp sẽ lia được vị dục. Tuy nghe tất cả pháp, tất cả cảnh giới, nhưng không chấp trước. Và lại, khi nghe pháp; đối với mọi tướng không trụ không dính mắc, đối với tất cả pháp, luôn tùy thuận, mà tu hành, còn đối với phi pháp thì

không tùy thuận tu hành.

Thế nào là pháp? Thế nào là phi pháp?

Pháp là lìa dục, pháp là vô tướng, pháp là vô vi, pháp là không xứ, không thể đem ra để ví dụ. Không trần, không đặc, không sinh, không xuất, đó gọi là pháp. Nếu như pháp này, mà lại nhớ nghĩ, phân biệt, đem tâm tưởng quan sát, hý luận, lấy hay bỏ; đó gọi là phi pháp.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát ấy chỉ nắm lấy nghĩa, chứ không giữ lấy lời nói; không vì giữ lấy lời nói, mà thính pháp nghe pháp. Vì giữ lấy nghĩa, nên nghe pháp.

Sao gọi là giữ lấy nghĩa?

Nếu thấy nghĩa Không, mà không nắm bắt, không chấp trước. Nếu nghĩa Vô tướng, mà không nắm bắt, không chấp trước. Nghĩa vô nguyện mà không nắm bắt, không chấp trước thì đó gọi là giữ lấy nghĩa. Bồ-tát nếu giữ lấy nghĩa, mà nghe pháp thì đối với việc giữ lấy nghĩa, không sinh phân biệt; đối với không phân biệt đó, cũng không phân biệt. Bồ-tát nghe pháp từ chư Phật như vậy.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát tùy thuận liễu nghĩa kinh, không tùy không kinh nghĩa. Tu-đa-la liễu nghĩa là vậy. Nghĩa đó thế nào?

Liễu nghĩa là rõ biết tất cả nghĩa kinh, nghĩa kinh đều tùy thuận mà nói, không có một nghĩa nào khác. Liễu tri tất cả nghĩa kinh thì không thể nói, như vậy một là liễu nghĩa nghĩa kinh. Bồ-tát tùy thuận tu hành, nếu đối với liễu nghĩa nghĩa kinh, mà không tùy thuận thì không phải là liễu nghĩa.

Vì nhân duyên gì không phải liễu nghĩa?

Nếu không liễu nghĩa nghĩa kinh, đối với liễu nghĩa nghĩa kinh đó, không cùng nhau tùy thuận và liễu nghĩa như vậy, tức là không tương ứng với liễu nghĩa.

Tại sao không tương ứng? Vì nó không tùy thuận, nên lìa pháp hành ấy.

Nói tùy thuận, nghĩa là âm thanh tùy thuận. Liễu nghĩa kinh như vậy, không phải là tùy thuận âm thanh. Vì sao? Vì liễu nghĩa đó

không thể nói, cho nên không có chỗ tham đắm. Bồ-tát như vậy, là khéo biết tất cả pháp không liễu nghĩa đều như liễu nghĩa. Nay Phấn Tấn Vương! Như vậy nghĩa này, tùy thuận liễu nghĩa nghĩa kinh, tùy thuận như vậy, tất cả liễu nghĩa nghĩa kinh.

Lại nữa, nay Phấn Tấn Vương! Bồ-tát ấy nghe pháp từ nơi Đức Phật; rồi chỉ giữ lấy trí, chứ không giữ lấy thức. Vì sao? Vì thức là biết, nó như huyễn, không thể nắm bắt, không có tự thể, không có sắc, không thể thấy, không chướng ngại. Nếu biết như thế, tức là cái biết của trí. Cho nên, Bồ-tát chỉ giữ lấy trí, chứ không giữ thức. Thức là nhờ đối tượng mà biết, như vậy là thức biết. Tuy nói thế, nhưng đối với thức, đối với trí đều không tham trước, vì thức chân như thuyết trí chân như.

Này Phấn Tấn Vương! Nếu Bồ-tát chỉ giữ lấy trí, không giữ lấy thức thì không vì chúng sinh mà nói thức pháp. Đó là Thiên nhĩ thông phấn tấn, khi được như thế rồi, sẽ được trí giới này.

Lại nữa, nay Phấn Tấn Vương! Dù cho lời nói của Bồ-tát Phú-già-la tương ứng với pháp thuyết, Bồ-tát chỉ giữ lấy pháp, không chấp vào người. Vì sao? Nay Phấn Tấn Vương! Nếu thật có người, chúng sinh ở trong pháp Phật, rốt cuộc không thể thanh tịnh, không thể giải thoát. Nếu như vậy thì tất cả các pháp, rốt cuộc không có người. Vì Phật nương vào thế gian, cho nên nói là có người, thật ra các pháp, tất cả đều không có người. Do vậy, Bồ-tát chỉ giữ lấy pháp, không chấp vào người.

Này Phấn Tấn Vương! Pháp gọi là pháp giới. Pháp giới này gọi là không sinh giới; không sinh giới, gọi là không xuất giới. Nay Phấn Tấn Vương! Điều mà gọi là danh, không thể nói, nên mới gọi là danh. Vì sao? Vì nương vào các danh như vậy, mà biết được các pháp như vậy, trong các pháp như vậy thì gọi không thể được. Nếu không thể được thì tùy theo tình người mà gượng dùng lời nói. Tất cả ngôn ngữ đều tùy theo thế tục mà nói, nếu ta biết được, lời nói ấy là lời của Phật. Nếu khởi lên ý tưởng không phải là lời Phật nói, lời Phật nói là không có ý, vì không nói cho nên gọi là Phật nói. Nếu nhập vào lời nói của Phật là nhập vào phi ngữ; nếu nhập vào phi ngữ, là nhập vào lời Phật. Nếu muốn nhập vào lời nói, nên nhập vào

lời Phật, muốn nhập vào lời Phật thì nên giữ lấy lời của người nói và lời nói pháp. Nếu giữ lấy như vậy, lại không nhập vào lời Phật. Cái gì không hai, cũng không phải không hai, đó là lời Phật nói. Nơi nào có tiếng và không tiếng, đó không phải là Phật nói. Nếu không thể nói chẳng phải không thể nói, đó là Phật nói. Như vậy, này Phấn Tấn Vương! Nếu Bồ-tát nhập vào lời nói của Phật, Bồ-tát đó, được gọi là Thiên nhĩ thông. Đối với tất cả âm thanh tùy thuận chứng pháp được Phật Bồ-đề. Phấn Tấn Vương! Đây là thông trí thứ hai, cũng gọi là Thiên nhĩ của Bồ-tát.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát đạt tha tâm thông trí, đối với chúng sinh khác và Phú-già-la khác sẽ biết được tâm và sự suy nghĩ của họ và như vậy người ấy sẽ vào trong đại chúng nói pháp. Khi vào giữa chúng rồi, trước hết Bồ-tát quan sát tâm của mọi người trong chúng hội, xem thử chúng sinh nào có thâm tâm gì, tu hành những gì? Nhân gì? Tướng gì? Quan sát khắp, rồi mới nói pháp. Tự tâm của Bồ-tát thanh tịnh, nên có thể nhập vào tất cả tâm thanh tịnh trong chúng hội. Này Phấn Tấn Vương! Ví như tấm gương trong sáng nên các sắc hiện ra như xanh, vàng... hoặc hình, hoặc tướng. Hễ vật thế nào thì thấy nó như thế ấy, không thêm, không bớt. Tấm gương tuy trong sáng, nhưng bản thân nó không có sự phân biệt mà chỉ hiện bày các hình tượng.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát tự tâm thanh tịnh như vậy, tự pháp giới luân cũng thanh tịnh giống vậy. Bồ-tát tuy biết hết tất cả tâm hạnh sai khác của chúng sinh, nhưng tâm của Bồ-tát không bị hoại. Nếu trong chúng hội có người hạnh dục, Bồ-tát biết tâm người ấy và biết cách làm cho tâm họ lìa dục. Vì sao? Vì bản tánh của tâm không có dục nhiễm. Trong chúng hội đó, người nào có hạnh sân si, Bồ-tát biết tâm người ấy và biết cách làm cho tâm họ lìa sân si. Vì sao? Vì bản tánh của tâm, không có sân si. Nếu lại có người tin Thanh văn thừa, tâm hạnh của người ấy, Bồ-tát có thể biết pháp giới không thấp. Nếu có người tin Duyên giác thừa, tâm hạnh của người ấy, Bồ-tát có thể biết pháp giới không giảm. Trong chúng hội đó, nếu có người tâm hành Đại thừa, tâm hành của người ấy Bồ-tát có thể biết pháp giới không tăng. Khi biết được tâm hạnh

của các chúng sinh đó rồi, mới vì họ nói pháp, nhưng không có phân biệt bản tánh của tâm. Như nói pháp tương ứng, khiến họ trụ vào các thừa, ở nơi tất cả cõi, không có sự phá hoại lẫn nhau. Còn đối với tất cả chúng sinh, có bao nhiêu thứ hạnh, Bồ-tát đều biết hết. Tâm Bồ-tát ấy, tự tâm quán sát, không phải tâm tương tục cũng không phải đoạn diệt, nhưng Bồ-tát ấy, do tâm tương tục, nên có khả năng biết hết tất cả tâm của chúng sinh, đều cũng như vậy. Hoặc giới, tâm giới, như như giới ấy, pháp giới cũng như vậy, không một, không hai. Như vậy, này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát được tha tâm thông trí này, do được thông cho nên gọi là người thông, là bậc Tri thức trong hàng trời, người.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát được túc mạng thông trí, là nhờ Tam-muội căn, nên có khả năng biết được túc mạng của mình và người khác, trong quá khứ, hằng hà sa kiếp, nhớ nghĩ không quên. Bồ-tát biết như vậy rồi, sau đó mới nói pháp. Bồ-tát lại nhớ như vậy: “Ta ở nơi ấy, có tên như vậy, từng sinh như vậy, mạng sống như vậy, thọ lạc như vậy, thọ khổ như vậy... Tự tâm có khả năng biết tâm của chúng sinh, biết được nhân thiện căn đời trước của chúng sinh này, biết được thiện căn nhân lực của chúng sinh này; biết được thiện căn duyên lực của chúng sinh này; biết được nhân Thanh văn thừa của chúng sinh này; biết được nhân thừa Duyên giác của chúng sinh này và biết được nhân duyên Đại thừa của chúng sinh này.” Khi Bồ-tát biết được nhân duyên đời trước của chúng sinh này rồi, sau đó mới nói pháp cho chúng sinh ấy. Bồ-tát tự biết được túc mạng; biết rồi, sau đó lại có khả năng biết được sự tu hành đầy đủ ở đời trước; tự biết quá khứ ở nơi các Đức Phật đã gieo trồng căn lành, các căn lành đó, đời trước đã nguyện chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhớ nghĩ các căn lành như vậy, rồi mới phát nguyện. Bồ-tát ấy, nhớ đến bản túc mạng, mà đối với tất cả các pháp ở quá khứ, tâm không phân biệt, không chấp trước, không nắm bắt; đối với tâm hạnh trước sau cũng không có phân biệt; đối với tâm hạnh sau trước cũng không có phân biệt; đối với tất cả pháp không có nơi phân biệt, hoặc đi, hoặc đến. Bồ-tát nhớ nghĩ đời quá khứ, nhưng đối với quá khứ lại không nắm giữ, không chấp trước. Tuy biết vị lai, nhưng đối với vị

lai, cũng không nắm giữ, không chấp trước. Bồ-tát biết tất cả pháp không trước, không sau, cũng không ở giữa, cho nên không có phân biệt, không giữ lấy, không chấp trước. Bồ-tát đó, nhớ nghĩ túc mạng của chúng sinh như vậy. Biết rõ trước sau lìa sắc, cho đến trước sau thọ, tưởng, hành, thức, tất cả đều lìa. Bồ-tát có khả năng biết năm ấm trước, sau, khoảng giữa, biết tất cả các pháp là không, không có tự thể, Bồ-tát có khả năng biết như thế.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát ấy, nhớ nghĩ túc mạng rồi thì tất cả những thiện căn, đã tu thời quá khứ, đều tăng trưởng và các hành nghiệp đã tạo thời quá khứ đều diệt sạch. Vì sao? Vì nghiệp bất hủ, nên biết.

Bồ-tát thành tựu cái biết như thế, cho nên tin hiểu tất cả hành đều là như mộng. Ví như trong mộng thấy sống, thấy chết, thấy khổ, thấy vui, Bồ-tát tin hiểu tất cả các hành cũng lại như vậy. Đã tin hiểu rồi thì đối với sinh tử, không còn chịu khổ não nữa. Bồ-tát lúc nào cũng sinh tâm thương xót đối với chúng sinh, biết tất cả pháp không khởi sinh tướng. Bồ-tát có tâm như vậy: Đối với việc sinh tử ở thế gian, trong quá khứ, trải qua nhiều kiếp, biết tất cả đều không thật, cho nên không tham, không chấp trước. Cũng như vậy, biết tất cả sinh tử của chúng sinh ở thế gian là hư vọng, không thật, cho nên không tham, không chấp trước. Nếu đây đã không thật thì kia cũng không thật, mỗi đại không sinh thì mỗi đại không thật.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát nhớ nghĩ túc mạng rồi, thấy đích thật, các hành đều là vô thường. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy, nhớ đến thú vui của vua chuyển luân trong thời quá khứ, đó chỉ là pháp vô thường bại hoại. Nhớ đến thú vui của vua Đế Thích, ở đời quá khứ và biết cái vui ấy cũng là pháp vô thường bại hoại. Nhớ nghĩ về thế giới trang nghiêm của Phật Thế Tôn và công đức trang nghiêm của Thanh văn, cùng với công đức trang nghiêm của Bồ-tát. Bồ-tát lại nhớ nghĩ đến sắc thân viên mãn của Đức Thế Tôn kia và sự chuyển pháp luân của Đức Thế Tôn ấy. Do nhớ nghĩ như thế, cho nên không còn tham đắm, mọi pháp hữu vi và tất cả thuộc về, đều buông xả hết. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy có tâm niệm như vậy: “Thế giới thù thắng của Phật, sắc thân thù thắng của Phật, cũng đều là vô

thường, là pháp tận diệt, sự thuộc về của ta cũng lại như vậy, đều là vô thường.”

Bồ-tát ấy lại nghĩ tiếp: “Tất cả các hành đều vô thường, nhưng chúng sinh lại tưởng là thường.”

Do vậy, Bồ-tát luôn khởi tâm đại Bi đối với chúng sinh và xả bỏ mọi pháp. Phấn Tấn Vương! Đây là thông trí thứ tư của Bồ-tát. Bồ-tát ấy thành tựu trí này; tức biết tất cả các pháp là vô thường, từ đó tâm suy nghĩ chân chánh, giáo hóa hữu tình và thành tựu chúng sinh. Tuy giáo hóa hữu tình, nhưng không có tham đắm. Bồ-tát lìa hữu, mà lại thủ các hữu là vì muốn thành tựu chúng sinh.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là thần thông phấn tấn của Bồ-tát?

Vì Bồ-tát ấy tâm tự tại, đắc thánh thần túc, nghĩa là muốn tinh tấn, tịch tĩnh, tin hiểu. Bồ-tát ấy hiện đắc thần thông, đó là hành hữu vi. Nếu Bồ-tát muốn đi đâu, chỉ trong khoảng một niệm, có thể đi khắp hằng hà sa thế giới chư Phật. Khi đến rồi, tất cả chúng sinh ở cõi ấy, thấy thân Bồ-tát, nhưng Bồ-tát vẫn không bị lay động trước cảnh ấy. Các chúng sinh ở cõi ấy nghe, thấy thuyết pháp, còn ở nơi đây Bồ-tát thuyết pháp không dứt. Này Phấn Tấn Vương! Đây là Bồ-tát thần thông phấn tấn, Bồ-tát dùng thần thông này, để điều phục chúng sinh. Nếu chúng sinh, hoặc trời, hoặc người mà sinh ra ý tưởng thường thì Bồ-tát liền thị hiện kiếp thiêu, chúng sinh ấy, thấy tam thiên đại thiên thế giới đều bị cháy sạch, nhưng thế giới kia thật không bị hoại. Nếu có chúng sinh kiêu mạn, Bồ-tát liền hiện thân Dạ-xoa, tay cầm chày Kim cang và tuôn ra lửa Kim cang, làm cho chúng sinh đó, sinh tâm kinh sợ, bỏ kiêu mạn, quay về đảnh lễ. Nếu có chúng sinh, tin vào Chuyển luân vương, Bồ-tát liền hiện thân Luân vương, nói pháp cho chúng sinh đó. Nếu có chúng sinh tin Đế Thích vương, Bồ-tát liền hiện sắc Đế Thích vương, nói pháp cho chúng sinh đó. Nếu có chúng sinh tin Phạm vương, Bồ-tát liền hiện hình sắc Phạm vương, nói pháp cho chúng sinh đó. Nếu có chúng sinh tin ma vương, Bồ-tát liền hiện thân ma vương nói pháp cho chúng sinh đó. Nếu có chúng sinh tin Như Lai, Bồ-tát liền hiện thân Như Lai nói pháp cho chúng sinh đó.

Nếu có chúng sinh muốn thấy Bồ-tát ngồi kiết già ở giữa hư không phóng ra ánh sáng rồi nói pháp thì Bồ-tát liền trụ giữa hư không, thân phóng ra ánh sáng nói pháp cho chúng sinh đó. Nếu có chúng sinh tin hiểu việc to lớn thù thắng thì Bồ-tát liền hiện ra tam thiên đại thiên thế giới, có các thứ nào là tàng, lọng, vòng hoa, rèm tua, cờ, phướn, lọng báu, treo linh kết tràng hoa, xông hương, mọi thứ như thế hết sức trang nghiêm, hết sức hoan hỷ, thị hiện như vậy rồi, sau đó mới nói pháp. Nếu có chúng sinh muốn thấy tam thiên đại thiên thế giới, hợp lại thành một biển lớn, trong biển ấy, có các loại hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, trên hoa sen lại có tòa Sư tử và có Bồ-tát ngồi trên tòa ấy nói pháp, Bồ-tát liền hiện ra như thế, nói pháp. Nếu có chúng sinh muốn thấy Bồ-tát đứng trên đỉnh núi Tu-di thuyết pháp bằng Phạm thanh thì Bồ-tát liền hiện như vậy, nói pháp. Nếu có chúng sinh không muốn thấy thân của Bồ-tát mà chỉ muốn nghe tiếng nói của Bồ-tát thì Bồ-tát liền thị hiện như vậy, mà nói pháp. Nếu có chúng sinh, muốn thấy thân rồng; thân Càn-thát-bà thì Bồ-tát liền thị hiện ra tướng ca hát hợp với âm thanh đó, mà nói pháp. Nếu có chúng sinh muốn thấy tiếng lôi sấm sét, điện chớp và tuôn trận mưa lớn của loài rồng thì Bồ-tát liền hiện như thế, mà nói pháp. Nếu có chúng sinh bị đói khát mệt mỏi, Bồ-tát liền đem thức ăn uống của chư Thiên, ban cho họ được no đủ thỏa thích rồi sau đó mới nói pháp. Nếu mỗi mỗi chúng sinh thường chịu sự thống khổ trong địa ngục, Bồ-tát liền vận thần thông, dập tắt lửa địa ngục và dùng lực khiến nhập vào tất cả lỗ chân lông của chúng sinh ấy, khi đã làm cho chúng sinh vui, rồi mới nói pháp. Nếu có chúng sinh, bị mù lòa hay không có mắt thì Bồ-tát liền dùng thần thông, ban cho Thiên nhãn, để chúng sinh được nhãn căn, rồi mới nói pháp. Nếu có chúng sinh bị điếc, không có nhĩ căn, Bồ-tát liền dùng thần lực, làm cho chúng sinh được nhĩ căn, rồi mới nói pháp. Nếu có chúng sinh, đủ các chứng bệnh, Bồ-tát liền dùng thần lực, trị hết các chứng bệnh ấy, sau khi trị hết bệnh rồi mới nói pháp. Nếu có chúng sinh sắp bị giết, Bồ-tát liền dùng thần lực, bày ra các phương tiện cứu người kia khỏi bị tội, hoặc là đem tiền của để cứu, sau khi cứu được rồi,

mới nói pháp. Nếu có chúng sinh thân phận thấp hèn, các căn lại bị khiếm khuyết, hoặc xuất thân từ dòng họ thấp kém, luôn ôm nỗi lo sợ xấu hổ, thân tâm hay mặc cảm, Bồ-tát liền dùng thần lực làm cho người kia được trọn vẹn đầy đủ, tạm thời thị hiện, khiến cho thân người kia được thù thắng rồi mới nói pháp. Nếu có chúng sinh cảm điếc từ trong thai mẹ, đến khi sinh ra thì lại ngu si đần độn, sống trên phân giải, Bồ-tát trước trị liệu xong, rồi dùng thần thông lực thị hiện, khiến cho họ ở trong cung điện thù thắng, rồi mới nói pháp, phải làm cho tâm ý của chúng sinh đó phát sinh trí tuệ, rồi mới nói pháp. Nếu có chúng sinh chưa sinh hay đã sinh, căn chưa thuần thực, Bồ-tát liền dùng thần thông lực, làm cho các căn được thuần thực, rồi mới nói pháp.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát đã thành tựu thần thông lực như vậy rồi, lại còn có thần thông thuyết pháp không thể nghĩ bàn nữa. Nếu có chúng sinh, tin hiểu mặt trời, mặt trăng nhập vào pháp luật, Bồ-tát liền dùng thần thông lực đem mặt trời, mặt trăng trong tam thiên đại thiên thế giới, để trong lòng bàn tay, ném qua vô lượng, vô biên thế giới khác. Trong đó, các chúng sinh đáng được hóa độ, đều thấy mặt trời, mặt trăng ở trong hư không có di chuyển, nhưng mặt trời, mặt trăng nơi đây, không có chuyển động. Bồ-tát lại có thể đem hằng hà sa các thế giới Phật, để lên đầu sợi lông, ném lên Phạm thế, rồi sau, ném ra ngoài vô lượng, vô biên thế giới, mà các chúng sinh không hay không biết, hoặc đến hoặc đi không có ý tưởng trở lại. Bồ-tát ấy thổi một cái, làm cho vô lượng hằng hà sa thế giới Phật bị kiếp thiêu. Lại nữa, Bồ-tát ấy đang ngồi kiết già, tức thời thân đến hằng hà sa các thế giới Phật. Bồ-tát ấy có khả năng dùng hai tay che mặt trời, mặt trăng rồi phóng ánh sáng từ chính mình, chiếu khắp thế giới, rồi mới nói pháp.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát ấy, ngồi kiết già trước Đức Phật, khởi tâm mong muốn cúng dường Như Lai, liền có các thứ hoa vi diệu từ núi Tu-di... rải lên thân Như Lai, tất cả các hoa đó bao phủ Như Lai, chỉ thấy nửa thân. Bồ-tát lại hóa tất cả cây cối, vườn rừng, trong tam thiên đại thiên thế giới, thành cây đước sáng, cúng dường như trước, liền được thành tựu như ý. Hoặc lúc trời đang mưa, Bồ-tát

làm cho thấy lửa cháy và thị hiện thân mình, làm cho tất cả chúng sinh đều thấy khắp, tùy theo sự tin hiểu của bao nhiêu chúng sinh, muốn thấy những sắc gì, hoặc Bồ-tát dùng tự thân, thị hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc thân Thanh văn, hoặc thân Duyên giác.

Này Phấn Tấn Vương! Đó là thần thông phấn tấn của Bồ-tát. Nghĩa là Thiên nhân thì thấy không chướng ngại, Thiên nhĩ thanh tịnh, nghe không chướng ngại, biết tâm hạnh trí của tất cả chúng sinh trong a-tăng-kỳ kiếp, vẫn nhớ nghĩ đúng, tất cả thần thông đều có thể thị hiện, đó gọi là thần thông phấn tấn.

Này Phấn Tấn Vương! Sao gọi là thông? Vì thấy hết tất cả nghiệp thông của chư Phật; biết hết tất cả căn thông của chúng sinh, vượt hơn tất cả pháp luật của Thanh văn thừa, thù thắng hơn pháp Tỳ-ni thông của Duyên giác thừa; Đại thừa luật thông, sinh thoái xuất thông, đối với chúng sinh, thành thực trí thông, chánh trí xuất hành thông, thiện phương tiện thông, bố thí nguyện thông, giới nhân tinh tấn thiền tuệ nguyện thông, phá hoại ma, giáo hóa ma, khiến thiện căn của chúng được thành tựu; cho nên gọi là thông.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát đạt được thông, biết được sắc xanh,... của cái thức người khác; oai đức, danh xưng, lực tánh chủng tộc và nhiều của cải vây quanh. Đây gọi là thông.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát đạt được thông, biết hết tất cả hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, Đế Thích Thiên vương, Chuyển luân thánh vương, Phạm thế giới chủ, A-la-hán. Do biết chân chánh rộng khắp như thế, nên gọi là thông.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát đạt được thông này, dùng thông bất thoái bản nguyện, để chỉ bày tất cả các pháp cho người khác.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là trí phấn tấn?

Trí phấn tấn là ấm trí, giới trí, nhập trí, nhân duyên trí, thật đế trí.

Thế nào là Ấm trí?

Vì biết sắc là không, sắc khoảng trước không, sắc khoảng sau không, sắc khoảng giữa cũng không, cho nên thọ, tưởng, hành, thức

cũng như vậy. Thức khoảng trước không, thức khoảng sau không, thức khoảng giữa cũng không, năm ấm này là không, rốt ráo là không. Do biết được ấm này là không, nên gọi là ấm trí.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là giới trí? Là địa giới pháp giới, thủy giới pháp giới, hỏa giới pháp giới, phong giới pháp giới. Vì sao? Vì bốn giới pháp giới này là một. Điều mà gọi là không giới lại là pháp giới giới, đó không phải là địa giới, cũng không phải là thủy giới, cũng không phải là hỏa giới, cũng không phải là phong giới. Vì sao? Vì giới pháp giới không khác, giới pháp giới không hai, giới pháp giới không sinh, giới pháp giới không nhiễm, giới pháp giới thiện tịnh. Như pháp giới, như ngã giới, như chúng sinh giới, như mạng giới, như Phú-già-la, như sinh tử giới, như Niết-bàn giới. Dục giới của giới ấy, Sắc giới của giới ấy, Vô sắc giới của giới ấy, hữu vi giới của giới ấy, vô vi giới của giới ấy; cho nên gọi là Niết-bàn giới. Như pháp giới trí, Sắc giới trí như vậy không khác nhân duyên trí, nên gọi là giới trí.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là nhập trí?

Vì bản tánh của mắt không sinh, không xuất, không tạo tác. Phấn Tấn Vương! Như vậy tai, mũi, lưỡi, thân, ý bản tánh cũng không sinh, không xuất, không tạo tác.

Này Phấn Tấn Vương! Mắt không có chủ thể, cho nên không thấy; tai không có chủ thể, cho nên không nghe; mũi không có chủ thể, cho nên không ngửi; lưỡi không có chủ thể, cho nên không nếm vị; thân không có chủ thể, cho nên không giác xúc; ý không có chủ thể, cho nên không biết.

Này Phấn Tấn Vương! Mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi hương, lưỡi không nếm vị, thân không giác xúc, ý không biết pháp. Vì sao? Vì mắt là không biết, như cây, cỏ, vách, đá. Như vậy cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý... tất cả đều không biết, y như cây, cỏ, vách, đá.

Này Phấn Tấn Vương! Mắt không nhiễm, cũng không thể không nhiễm. Như vậy cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý... tất cả không nhiễm, cũng không thể không nhiễm. Vì sao? Vì bản tánh của mắt, tánh nó lìa nhiễm. Như vậy, cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý... bản là

tánh lìa nhiễm như thế.

Này Phấn Tấn Vương! Nếu biết tất cả nhập như vậy thì tâm liền lìa dục, cho nên gọi là nhập trí. Nếu biết ấm, giới, nhập... như vậy, không sinh, không xuất thì sẽ rốt ráo nhập Niết-bàn. Thâu giữ sinh diệt, ấm, giới, nhập... biết ấm, giới, nhập mà cũng không xả. Trí phấn tấn này biết ấm, giới, nhập hoặc là tướng hoặc là thể, đối với những thứ ấy Bồ-tát buông bỏ hết tất cả, cũng như đi trong ba cõi mà không bị nhiễm trước, tuy là thị hiện sinh tử, mà không sinh tử. Đây là trí phấn tấn.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là nhân duyên trí?

Vô minh duyên hành, vô minh không nghĩ, ta có thể sinh hành. Hành duyên thức, hành cũng không nghĩ, ta có thể sinh thức. Thức duyên danh sắc, thức cũng không nghĩ, ta sinh danh sắc. Danh sắc duyên sáu nhập, danh sắc không nghĩ, ta có thể sinh sáu nhập. Sáu nhập duyên xúc, sáu nhập không nghĩ rằng ta có thể sinh xúc. Xúc duyên thọ, xúc không nghĩ, ta có thể sinh thọ. Thọ duyên ái, thọ không nghĩ rằng ta có thể sinh ái. Ái duyên thủ, ái không nghĩ, ta có thể sinh thủ. Thủ duyên hữu, thủ cũng không nghĩ, ta có thể sinh hữu. Hữu duyên sinh, hữu không nghĩ, ta có thể sinh sinh. Sinh duyên lão tử, sinh cũng không nghĩ, ta có thể sinh lão tử.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát quan sát nhân duyên như vậy; tất không có các kiến, không có đoạn kiến, không có thường kiến. Bồ-tát biết tất cả các pháp, đều do nhân duyên sinh, nhưng nếu suy cầu nhân duyên như vậy thì không thể được. Nhờ đó, mà Bồ-tát đạt nhân duyên trí từ nhân duyên.

Thế nào là đắc trí? Nhân duyên và bất sinh, cả hai đều bình đẳng. Như vậy là bình đẳng với Không, Vô tướng, Vô nguyện, mười hai nhân duyên đều là bình đẳng. Từ nơi bình đẳng đó mà biết, tất cả các pháp nhân duyên đều là bình đẳng. Nhân duyên như vậy, không phải là nhân duyên. Trong nhân duyên đó, không có một pháp nhỏ nào sinh, mới gọi là nhân duyên. Nếu biết không sinh là nhân duyên thì gọi là nhân duyên trí. Minh cùng vô minh, pháp này không hai, nếu biết được như thế, gọi là nhân duyên trí. Hành không phải hành, pháp này không hai, nếu biết được như thế, gọi là nhân duyên

trí. Thức cùng với không phải thức, pháp này không hai, nếu biết được như thế thì gọi là nhân duyên trí. Danh sắc cùng với không phải danh sắc, pháp này không hai; nếu biết được như thế, gọi là nhân duyên trí. Sáu nhập cùng với không phải sáu nhập, pháp này không hai, nếu biết được như thế, gọi là nhân duyên trí. Như sáu nhập cùng với không phải sáu nhập pháp này không hai thì xúc, không phải xúc, không hai; thọ, không phải thọ, không hai; ái, không phải ái không hai; thủ, không phải thủ, không hai; hữu, không phải hữu không hai; sinh, không phải sinh không hai; lão tử, không phải lão tử không hai đều cũng vậy. Nếu biết được như thế thì là nhân duyên trí. Nhân duyên xứ, nhân duyên ấy đều là không, không có ngã. Như nhân duyên ấy, không đến không đi; nhân duyên ấy, hư vọng, không thật; nhân duyên ấy, không thủ, có thể thủ, nhân duyên như vậy không hành, không tướng. Nếu biết được như thế thì gọi là nhân duyên trí. Nếu thấy nhân duyên thì không thấy vô minh, không thấy hành, không thấy thức, không thấy danh sắc, không thấy sáu nhập, không thấy xúc, không thấy thọ, không thấy ái, không thấy thủ, không thấy hữu, không thấy sinh, không thấy lão tử. Nếu thấy được như thế thì là thấy nhân duyên; nếu thấy nhân duyên thì là thấy pháp. Vậy thấy pháp gì? Là thấy pháp lìa dục. Lìa những dục nào? Thấy các thứ dục, trong tất cả pháp và chấm dứt những dục ấy, nên gọi là lìa dục. Bồ-tát thấy pháp không tăng không giảm. Thấy như vậy tức là chân như không được, không nhiễm; thấy như vậy, tức là pháp giới không hoại, không thành; thấy như vậy thì là thấy thực tế không bị xuyên lậu. Thấy như vậy, tuy thấy mà không thấy; thấy như vậy thì chẳng phải nhục nhãn thấy, chẳng phải Thiên nhãn thấy, chẳng phải tuệ nhãn thấy. Vì sao? Vì nhục nhãn thì không hiểu biết, do không hiểu biết, nên không thấy. Thiên nhãn thì hữu vi, do hữu vi, nên cũng không thấy vô vi, vì thế nên không thấy. Tuệ nhãn không thấy là do không phân biệt, mà không phân biệt thì cũng không thể thấy.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát thấy hết mọi pháp như vậy, tất nhiên thấy Như Lai. Cái thấy đó, không phải là thấy sắc, không phải thấy thọ, không phải thấy tưởng, không phải thấy hành, không phải

thấy thức; không phải thấy tướng; không phải thấy pháp giới; không phải thấy giới, định, tuệ; không phải thấy giải thoát, cũng không phải thấy pháp giải thoát tri kiến; không phải thấy quá khứ, không phải thấy hiện tại, không phải thấy vị lai. Nếu thấy như vậy, tức là thấy Như Lai.



KINH BỒ-TÁT PHẤN TẤN VƯƠNG HỎI PHẬT QUYỂN HẠ

Khi ấy, Bồ-tát Phấn Tấn Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có pháp thì có thể thấy pháp; nếu đã có thấy pháp, có thể thấy Như Lai chăng?

Phật đáp:

–Có. Vì sao? Vì sắc tướng không sinh, bản tánh không sinh, thấy sắc như vậy, tức là thấy Như Lai. Tướng của thọ, tưởng, hành, thức như vậy, đều không sinh, bản tánh không sinh. Thấy thức như vậy, tức là thấy Như Lai. Giới là tướng hữu vi, mà là vô vi, thấy giới như vậy, tức là thấy Như Lai. Tam-muội bình đẳng tức là thấy thanh tịnh. Như thế, ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng được thấy thanh tịnh và cũng từ nơi Đức Phật ấy, ta thấy nhân duyên. Do thấy nhân duyên, cho nên liền được thấy pháp; do thấy pháp nên liền thấy Như Lai.

Bồ-tát Phấn Tấn Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để các Bồ-tát có thể thấy tất cả Như Lai, từ thời Phật Nhiên Đăng trở lại đây?

Phật đáp:

–Này Phấn Tấn Vương! Nếu muốn thấy thì đem sắc tướng phân biệt mà thấy, không phải thấy Pháp thân.

Này Phấn Tấn Vương! Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Ông nay nên biết: Ta từ lúc, mới phát tâm Bồ-đề, cho đến nay, chưa thấy Phật, chỉ trừ Phật Nhiên Đăng. Vì sao? Không phải thấy sắc tướng thanh tịnh là thấy Như Lai. Phấn Tấn Vương! Bồ-tát, nếu muốn thấy Phật như vậy, cũng phải nên như ta thấy Như Lai Nhiên Đăng, bởi vì một pháp vậy.

Thế nào là một pháp?

Như thân ta cũng giống thân Phật Nhiên Đăng; như thân Phật Nhiên Đăng và thân ta thì cũng thế. Một thân, một pháp; pháp chứng thì không hai, không phân biệt mà chứng; đó là nhân duyên trí. Nếu thấy nhân duyên tức là thấy pháp; do thấy pháp, nên thấy Như Lai. Nếu đối với tất cả chỗ có sinh tâm thì đều chứng diệt, không nhập Niết-bàn.

Nếu đem trí phương tiện nói thì không còn sinh tử, đó là phẩn tấn.

Thế nào là Thật đế trí?

Đến lúc nào thì Thanh văn mới tiếp xúc với giải thoát? Đúng lúc như vậy, Bồ-tát cũng không được tiếp xúc với giải thoát, đó là phẩn tấn.

Đúng lúc nào thì Duyên giác mới tiếp xúc với giải thoát? Đúng lúc như vậy, Bồ-tát cũng không được tiếp xúc với giải thoát, đây là phẩn tấn.

Thật đế trí nghĩa là biết khổ chẳng phải là chắc chắn, chẳng phải là thật.

Thế nào là Trí? Là trí không thật, do vậy mà sinh ra điên đảo không cùng. Biết khổ không sinh, rốt ráo cũng không sinh. Nếu biết khổ không sinh như vậy thì gọi là Khổ trí.

Thế nào là đoạn Tập?

Như pháp tập kia thì nên đoạn tập như vậy.

Thế nào là tập? Vì tập, cho nên gọi là tập bình đẳng đoạn tập. Nếu tập vị lai thì đoạn ở vị lai; pháp này vốn như thế, không có một pháp nhỏ nào, hoặc sinh hay đoạn. Bởi do ái sử mà có tập; nếu ái sử kia đoạn rồi, gọi là đoạn ái.

Thế nào là khổ Diệt?

Nếu tánh khổ tập kia, rốt ráo diệt thì không có pháp diệt mất, cho nên gọi là diệt. Nếu diệt tất cả tướng duyên dựa thì nghĩa không tương ứng. Như vậy thì có pháp nào sinh, có pháp nào diệt.

Thế nào là Đạo?

Nghĩa là có đạo. Hoặc thiện, bất thiện; hoặc lậu, vô lậu; hoặc cấu, vô cấu; hoặc hữu vi, vô vi, tất cả đều không thể được; đó gọi là đạo. Bình đẳng là đạo, vì tất cả pháp đều là chân thật, tịch tĩnh, cho nên gọi là đạo. Lìa hết tất cả chấp, an ổn là đạo, không rời mọi phương tiện việc thiện, vô lậu là đạo. Khi các lậu đã hết rồi, không còn hành nữa là đạo. Phân biệt, thấy người không thể hành, mà hành một cách dễ dàng thì gọi là đạo. Tu hành chân chánh là điều mà có thể hành, không xả gọi là đạo. Quá khứ Đức Như Lai không xả, lìa tướng gọi là đạo. Vì có khả năng đoạn trừ tất cả nghi, cho nên ở nơi đạo này, không bị rơi vào hai, như thế mới gọi là đạo. Nếu hiểu nghĩa Tứ đế như vậy, gọi là thật đế trí. Nếu Tứ đế này, mà thừa Thanh văn nguyện, thừa Duyên giác nguyện, đối với hai thừa nguyện này, không

sinh mong cầu; thì mới gọi là thật trí phần tấn.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Trí phần tấn, là biết thừa Thanh văn nhưng không chấp, không trụ, biết thừa Duyên giác, nhưng cũng không chấp, không trụ; đó là trí phần tấn.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Trí phần tấn là dùng một tâm để biết khắp hết tất cả tâm của chúng sinh; dùng một tâm thể để biết khắp tất cả tâm thể của chúng sinh; hoặc tâm hoặc trí, cả hai tâm đều không chuyển; đó là trí phần tấn.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Trí phần tấn là tuy thấy biết quá khứ không chướng không ngại, nhưng đối với quá khứ tâm cũng không hề lay chuyển. Thấy biết vị lai không bị chướng ngại, nhưng đối với vị lai hay quá khứ, tâm cũng không hề lay chuyển. Thấy biết hiện tại không bị chướng ngại, đối với quá khứ, vị lai hay hiện tại tâm không hý luận. Đây gọi là phần tấn.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Trí phần tấn là nếu tận trí biết mà hành thiện căn không tận cũng biết, trí vô sinh biết và biết tập cũng biết. Đây là trí phần tấn.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Trí phần tấn là nếu tất cả pháp rốt ráo tịch diệt thì biết rằng tất cả pháp không phải là nhân duyên khác; nhờ trí lực cho nên không thủ Niết-bàn mà chỉ vì muốn thành tựu các chúng sinh. Đó là trí phần tấn của Bồ-tát vậy.

Như vậy, này Phấn Tấn Vương! Nếu Bồ-tát muốn vận dụng trí phần tấn này mà phần tấn thì cần phải khéo lấy trí làm sự nghiệp, chớ tạo ra nghiệp.

Thế nào là mạn nghiệp? Hễ có ý hành đều là mạn nghiệp, có thức hành các cõi, đều là mạn nghiệp; có tâm hành các cõi đều là mạn nghiệp; làm việc thiện mà chấp vào việc mình đã làm; bố thí mà còn thấy mình bố thí; còn rơi vào những trường hợp như thế, đều là mạn nghiệp. Giữ giới mà còn thấy mình giữ giới, đều là mạn nghiệp. Dựa vào chính mình và người khác mà tu hạnh nhẫn là mạn nghiệp. Có khởi tâm phân biệt tinh tấn là mạn nghiệp. Các phân biệt về thân, trí tuệ cũng vậy đều là mạn nghiệp. Khởi lên ngã mạn là mạn nghiệp. Còn chấp ta là Bồ-tát, là mạn nghiệp. Ta trụ ngôi Bồ-tát là mạn nghiệp. Ta không đoạn hạt giống Phật, Pháp và chúng Tăng là mạn nghiệp. Ta làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, là mạn nghiệp. Chúng sinh chưa được độ ta làm cho họ được độ, chưa giải thoát ta làm cho giải thoát, chưa an ổn ta làm cho an ổn, chưa Niết-bàn ta làm cho Niết-bàn, tất cả đều là mạn nghiệp. Ta thực hành bố thí, ta trì giới, ta nhẫn nhục, ta tu tinh tấn, ta

thiền, ta tuệ, đó là mạn nghiệp. Ta tu tâm Từ, ta hành tâm Bi, ta hành tâm Hỷ, ta hành tâm Xả, đều là mạn nghiệp. Ta tu hạnh thiếu dục, tu hạnh tri túc, tu hạnh xa lìa, ta tu hạnh không nhiễm, đều là mạn nghiệp. Ta tu hạnh Đầu-đà, ta tu hành chân chánh, ở nơi vắng vẻ, nhớ nghĩ phân biệt, đều là mạn nghiệp. Ta thực hành hạnh không, ta hành vô tướng, ta hành vô nguyện, đều là mạn nghiệp. Ta nói lời thành thật, ta nói lời chân chánh, ta theo lời dạy mà tu hành, nhớ nghĩ phân biệt đều là mạn nghiệp. Ta thoát khỏi ma nghiệp, ta vượt khỏi lưới của bốn ma, đoạn mọi kiến, ta tu hạnh nhẫn, nhớ nghĩ phân biệt; đều là ý nghiệp. Những loại như vậy, ở đây chỉ lược nói. Ta giác ngộ Bồ-đề, ta chuyển pháp luân, ta độ chúng sinh được giải thoát rồi, ta mới nhập Niết-bàn, nhớ nghĩ phân biệt như vậy đều là ý nghiệp.

Này Phấn Tấn Vương! Hễ còn khởi tâm hành, nói là tâm tạo ra thì đều là mạn nghiệp.

Thế nào là trí nghiệp?

Đối với những chỗ như vậy, không phải là tâm ý, ý thức chuyển hành, đó là trí nghiệp. Bồ-tát thường tạo ra trí nghiệp như vậy.

Bồ-tát làm thế nào để thường tạo ra trí nghiệp? Nghĩa là Bồ-tát thường thực hành hai nghiệp: Một là làm cho chúng sinh được thành tựu đầy đủ mọi sự, hai là thâm giữ chánh pháp.

Bồ-tát tạo mọi sự thành tựu đầy đủ cho chúng sinh như thế nào? Bồ-tát đem trí tuệ của chính mình để tạo mọi sự thành tựu đầy đủ cho chúng sinh. Trí tuệ biết nghĩa là tự trụ vào việc lìa ngã mạn.

Tự biết như vậy tùy thuộc vào đâu? Tự lìa trụ mà biết, chẳng phải ý, không phải thức. Bồ-tát không ý, không thức như vậy, là Bồ-tát tạo mọi sự thành tựu đầy đủ cho chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát thâm giữ chánh pháp? Nếu đối với tất cả các pháp, mà Bồ-tát không thâm giữ thì đó là Bồ-tát thâm giữ chánh pháp. Không thâm giữ sắc là thâm giữ chánh pháp; như vậy cho đến không thâm giữ thọ, tưởng, hành, thức là thâm giữ chánh pháp. Cứ thế lần lượt, không thâm giữ giới là thâm giữ chánh pháp; không thâm giữ nhập là thâm giữ chánh pháp; không thâm giữ pháp thiện, không thâm giữ pháp bất thiện là thâm giữ chánh pháp; không thâm giữ tịnh bất tịnh; không thâm giữ hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, không thâm giữ pháp thế gian, pháp xuất thế gian; không phải thâm giữ như vậy là thâm giữ chánh pháp. Không phụ thuộc vào hình tướng bố thí là thâm giữ chánh

pháp, không phụ thuộc vào trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định là thâm giữ chánh pháp. Vì sao? Vì các duyên mà sinh đều có tướng sinh; không phải pháp, không phải luật, không phải thâm giữ chánh pháp. Vì sao? Vì Như Lai Chánh Giác là vô tướng, vô ngại, thâm tóm tướng duyên là Bất khả đắc. Bồ-tát, nếu biết nghiệp như thế thì mới gọi là trí. Nếu dùng trí này, làm trí tạo tác thì không phải là tận trí.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là tuệ phấn tấn? Vì pháp phân lấy cú, để phân chia làm bốn vô ngại. Những gì là bốn?

1. Nghĩa vô ngại.
2. Pháp vô ngại.
3. Từ vô ngại.
4. Nhạo thuyết vô ngại.

Nghĩa vô ngại là đối với tất cả chữ, chỉ nắm lấy nghĩa của nó, chứ không nắm lấy chữ. Gọi là nghĩa là phải biết đúng đắn nghĩa của tất cả pháp. Lại nữa, nghĩa ấy là không thể nói, đối với mỗi mỗi chữ thấy đều không quên, mà còn biết được tiếng trước sau, đó mới gọi là nghĩa. Không bám lấy lời nói, cho nên được tùy thuận với nghĩa. Nếu có thể bình đẳng với ngữ và nghĩa như vậy tức đã tùy thuận với nghĩa. Biết được như thế, gọi là nghĩa vô ngại. Vì đối với tất cả nghĩa, đều vô ngại, cho nên gọi là nghĩa vô ngại.

Pháp vô ngại là tùy thuận pháp, chứ không tùy thuận phi pháp. Tùy thuận pháp là không nghĩ đến phi pháp. Vì sao? Vì mọi pháp ấy đều lìa trí danh tự.

Pháp vô ngại là hoặc thừa, hoặc pháp, không khác pháp thuyết. Đối với tướng của pháp giới, không hoại pháp giới. Vì sao? Vì pháp giới là một tướng, đó là vô tướng. Bồ-tát nói pháp cho ai, khi người đã nghe lời ấy rồi, tùy thuận, tin hiểu âm hưởng bình đẳng, tin lời nói pháp pháp giới bình đẳng. Tuy là tùy thế tục mà biết, nhưng không chấp trước. Do các nghĩa như vậy, cho nên gọi là pháp vô ngại.

Từ vô ngại là trí có khả năng biết tự ngữ của những loài như Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, là trí biết về tự ngữ của Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm thế giới chủ, một lời, nhiều lời, nói rộng, nói hẹp, lời con trai, lời con gái, hoặc lời của nội quan, hoặc lời nói ở quá khứ, hoặc lời vị lai hay lời hiện tại, biết tất cả tự ngữ đều đúng như pháp. Nếu dùng tự ngữ để làm cho chúng sinh khác tự ý rõ biết thì cứ như vậy mà nói ngữ của mình và ngôn ngữ của người khác; ngôn ngữ mình và người đều không

bị chướng ngại, cũng không chấp trước. Vì sao? Vì biết tất cả pháp không có tự, không có ngữ.

Bồ-tát nghĩ như vậy: Cái gì là tự ngữ? Hoặc nói pháp gì? Pháp như vậy, trong, tự ngữ là không; cho nên không thể được, cũng không thể nói. Lại nữa, tự ngữ ấy, ở trong pháp là không; cho nên không thể được, không thể nói. Nếu nói tự ngữ thì tự ngữ không tiếng. Nếu thật sự có ngôn từ này, như ngôn từ pháp thiện, ngôn từ pháp ác, không thể được. Nên biết, từ này không ở trong pháp.

Từ vô ngại là đối với tất cả pháp đều không có chướng ngại, không hành các pháp. Vì sao? Vì pháp không hành cho nên tất cả các pháp rốt ráo cũng không hành. Biết như vậy rồi, mà phải vì người khác dạy bảo, làm cho người khác biết; đó là từ vô ngại.

Thế nào là nhạo thuyết vô ngại?

Nếu tất cả lời nói đều là nhạo thuyết, đối với tất cả tiếng đều nhạo thuyết; đối với tất cả danh đều nhạo thuyết.

Sao gọi là nhạo thuyết?

Đối với nghĩa mà nhạo thuyết; thì đối với pháp mà nhạo thuyết; đối với chân mà nhạo thuyết, đối với thật mà nhạo thuyết. Nếu có chúng sinh, tin hiểu lời ở trong kinh, liền vì chúng sinh ấy, nhạo thuyết lời ở trong kinh. Nếu tin hiểu lời ở trong Kỳ-dạ, liền vì chúng sinh ấy, nhạo thuyết lời ở trong Kỳ-dạ. Như vậy cho đến tin hiểu lời trong Già-đà, Hòa-già-la-na, hoặc Ưu-đà-na, hoặc Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, hoặc Xà-đa-ca, hoặc Bùi-bất-lược, A-phù-đà-đạt-ma thì liền vì chúng sinh ấy mà nhạo thuyết lời ở trong kinh Bùi-bất-lược, A-phù-đà-đạt-ma. Nếu chúng sinh tin hiểu việc tu hành đời trước, liền vì họ mà nhạo thuyết về việc tu hành đời trước. Tùy theo các căn của tất cả chúng sinh mà nhạo thuyết. Nghĩa là đối với người tin thì đem tín căn mà nhạo thuyết; đối với người tinh tấn thì đem tấn căn mà nhạo thuyết; đối với người có niệm thì đem niệm căn mà nhạo thuyết; đối với người có định thì đem định căn mà nhạo thuyết; đối với người có tuệ thì đem tuệ căn mà nhạo thuyết. Như vậy rộng nói về tất cả các căn thì hai vạn một ngàn Bồ-tát nhạo thuyết.

Căn của người hành dục thì tám vạn bốn ngàn, Đức Như Lai đã biết và tùy theo các căn ấy, mà Như Lai nhạo thuyết. Bồ-tát cũng tùy thuận nhạo thuyết giống vậy, cho tất cả hai vạn một ngàn căn của người ấy.

Căn của người sân thì tám vạn bốn ngàn; Đức Như Lai đã biết và tùy theo tất cả căn của người ấy, mà Như Lai nhạo thuyết. Bồ-tát tùy thuận nhạo thuyết cũng giống như vậy, cho tất cả hai vạn một ngàn căn của người ấy.

Căn của người si thì tám vạn bốn ngàn; Đức Như Lai đã biết và tùy theo tất cả căn của người ấy, mà Như Lai nhạo thuyết. Bồ-tát tùy thuận nhạo thuyết cũng giống như vậy, cho tất cả hai vạn một ngàn căn của người ấy.

Ngoài ra, còn có các căn khác tám vạn bốn ngàn, Đức Như Lai đã biết và tùy thuận theo các căn, mà Như Lai nhạo thuyết, Bồ-tát tùy thuận nhạo thuyết cũng giống như thế, cho tất cả hai vạn một ngàn các căn ấy. Như vậy, mới gọi là nhạo thuyết vô ngại.

Này Phấn Tấn Vương! Nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại và nhạo thuyết vô ngại ấy, tất cả đều lấy tuệ làm gốc, nương vào tuệ mà trụ và tùy theo tuệ mà hành. Bồ-tát nương vào những tuệ và các phần tấn này để phấn tấn.

Lại nữa, này Phấn Tấn Vương! Tuệ lấy gì làm gốc? Tuệ nương vào đâu để trụ? Tuệ hành tùy thuận vào đâu?

Này Phấn Tấn Vương! Tuệ lấy văn làm gốc, nương vào văn mà trụ và hành theo văn.

Văn lấy gì làm căn bản? Văn nương vào đâu mà trụ? Văn hành theo đâu?

Văn lấy Thiện tri thức làm căn bản, nương vào Thiện tri thức mà trụ và hành theo Thiện tri thức.

Thiện tri thức lấy gì làm căn bản? Nương vào đâu mà trụ? Và hành theo đâu?

Thiện tri thức lấy kính trọng làm căn bản, trụ vào kính trọng và hành theo kính trọng.

Như thế thì kính trọng lấy gì làm căn bản? Nương vào đâu để trụ? Tùy thuận vào đâu để hành?

Kính trọng lấy thâm tâm làm căn bản, trụ vào thâm tâm và hành theo thâm tâm.

Thâm tâm lấy gì làm căn bản? Nương vào đâu để trụ? Tùy thuận vào đâu để hành?

Thâm tâm lấy không dua nịnh, làm căn bản, trụ vào không dua nịnh và hành theo không dua nịnh.

Không dua nịnh lấy gì làm căn bản? Nương vào đâu để trụ? Tùy

vào đâu để hành?

Không đua nịnh lấy đại Bi làm căn bản, nương vào đại Bi mà trụ và hành theo đại Bi.

Đại Bi lấy gì làm căn bản? Nương vào đâu để trụ? Tùy thuận vào đâu để hành?

Đại Bi lấy tất cả chúng sinh làm căn bản, nương vào tất cả chúng sinh mà trụ, tùy thuận tất cả chúng sinh mà hành. Vì sao? Vì mục đích của Bồ-tát là khiến cho tất cả chúng sinh được giải thoát, cho nên phát khởi lòng đại Bi và tâm Nhất thiết trí tâm.

Này Phấn Tấn Vương! Với tuệ phấn tấn này, Bồ-tát phát khởi một pháp môn đó rồi thì trong một kiếp hay nhiều kiếp. Đối với những pháp phải giảng thuyết khác nhau, sẽ không có pháp nào, là không thông suốt. Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh không còn thấy thân mình, để vì họ mà nói pháp thì tùy ý đều được. Bồ-tát muốn cho tất cả lỗ chân lông trên thân, đều phát ra tiếng nói pháp, tùy ý đều được. Như có chúng sinh với thâm tâm tu hành thì vì họ mà nói pháp biện tài nhạo thuyết; như có chúng sinh thị hiện sắc thân thì vì họ nói pháp. Nếu có kẻ khác, đến đấu tranh, cũng không tài nào phá hoại được. Như sự hiểu biết về năn thông của ngoại đạo, về chú đọc, trí luận, hoặc Tỳ-đà trí với đủ loại ngữ luận, nhật nguyệt tinh trí, trí biết âm dương; hoặc có tướng mộng; hoặc lúc động đất, chú Đà-tỳ-la với đủ các phương thuật; hoặc tiếng chim quạ... Hoặc dùng sức chú thuật làm cho nai đứng yên một chỗ, không thể đi được nữa. Chú của Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà... hoặc tướng vua hay tướng của những người khác, tướng giàu, tướng nghèo, tướng sao đi, tướng diệu dụng; tất cả những thứ ấy đều biết cả. Lại biết hết mọi kỹ năng ở thế gian, hoặc chép, hoặc in, hoặc tính, hoặc đếm; tất cả đều biết rõ. Tiếng ca, tiếng nhạc, tiếng náo bật và các tiết mạch tất cả đều biết. Tất cả những dòng họ thấp hèn, người Bà-la-môn ngoại đạo, không thể nói được. Tất cả như thế Bồ-tát đều thị hiện được cả. Bồ-tát đủ trí tuệ có khả năng đem những thứ ấy để chỉ bày cho người khác. Tất cả những điều đó Bồ-tát đều khéo hiểu rõ và khéo biết chú đọc, biết chỗ có chú đọc, biết các thứ luận. Bồ-tát tuy biết tất cả như thế, nhưng không hề nào loạn. Tất cả chúng sinh không hiểu biết, lại cho những thứ đó là chánh đạo.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát có tuệ phấn tấn như vậy; dù cho ngàn vạn Phạm thiên đứng ngồi nói năng, nhìn ngó lẫn nhau, khoe sắc

nhau, nói chuyện với nhau, đối với các thứ sắc màu như xanh... thì oai đức quang minh của Bồ-tát vẫn thù thắng hơn các Phạm thiên ấy. Dù ở chỗ Phạm thiên, nhưng tâm Bồ-tát không mong cầu, trái lại các Phạm thiên đến chỗ của Bồ-tát, tâm sinh kính trọng. Tuy thị hiện trong các cung điện của chư Thiên một cách tự tại như thế, nhưng đối với những nơi đó, Bồ-tát không sinh mong cầu, không sinh ham thích mà còn sinh ý tưởng vô thường, khổ, không, vô ngã. Bồ-tát tùy thuận và giải thoát tất cả chúng sinh như vậy. Đây là tuệ phẩn tấn.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát dùng tuệ phẩn tấn hóa hành cung điện trong thế giới ma, đẹp gấp trăm ngàn lần cung điện của ma; làm cho bọn ma, mong cầu tham đắm vào cung điện thù thắng đó. Sinh tham đắm rồi, tâm lìa ngã mạn. Khi ma lìa ngã mạn rồi Bồ-tát sẽ khiến cho chúng trụ vào chánh đẳng cảnh giới, sau đó mới bắt đầu nói pháp vô thường.

Này Phấn Tấn Vương! Tuệ đó, Bồ-tát hành khắp mọi nơi; nên biết như vậy. Nhờ tuệ này, mà hoặc thí, hoặc nhận, hoặc phát nguyện... tất cả nên biết. Nhờ tuệ này, hoặc tự hộ giới hay dạy người khác trì giới, đem sự trì giới này nguyện giữ lấy Bồ-đề, nên biết như vậy. Nhờ tuệ này, hoặc tự tu nhẫn hay khuyến khích người khác tu nhẫn; đem sự hành trì nhẫn này, nguyện giữ lấy Bồ-đề, nên biết như vậy. Nhờ tuệ này nên tự tinh tấn hay khuyến khích người khác tinh tấn, đem việc tinh tấn này nguyện chứng Bồ-đề, nên biết như vậy. Nhờ tuệ này mà chính mình nhập thiền Tam-ma-bạt-đề, hay dạy người khác nhập thiền Tam-ma-bạt-đề, đem việc nhập thiền này nguyện giữ lấy Bồ-đề, nên biết như vậy. Nhờ tuệ này, hoặc tự thủ giữ pháp hay nói cho người khác, như nghe rồi quan sát, nên biết như vậy. Nhờ tuệ này mà có tất cả hành động tới, lui, tất cả oai nghi, tất cả buông bỏ, nên biết như vậy. Bồ-tát có tuệ, nhờ vào tuệ lực cho nên có khả năng đầy đủ tất cả thiện lực. Bồ-tát có tuệ, nhờ vào tuệ tự tại, cho nên được đầy đủ những của cải. Bồ-tát có tuệ, nhờ tuệ phẩn tấn, cho nên đối với tất cả pháp được phẩn tấn thù thắng. Bồ-tát có tuệ nhờ chấp trì tuệ lực nên được tướng tốt của Phật, nhờ trang nghiêm nên được trang nghiêm. Bồ-tát có tuệ, đối với tất cả pháp đều tùy thuận mà hành, không còn dụng công.

Này Phấn Tấn Vương! Ví như có người bắn tên lên không trung, đến khi hết trớn nó tự rơi xuống, rơi cho đến khi đụng đất rồi, mà vẫn không dụng công. Bồ-tát có tuệ, cũng lại như vậy. Dùng sức của tuệ, bắn ra mũi tên nguyện, không có dụng công, tự nhiên như vậy, mà rơi vào tất cả đất pháp thiện. Đó là thị hiện tuệ lực nơi chốn đạo tràng.

Lại còn có lực nào nữa?

Nhờ tuệ lực, mà tay trái có thể làm lay động hằng hà sa các thế giới Phật, nhờ tuệ lực nên thắng quyền thuộc của ma thắng vượt sự trang nghiêm của ma, cho đến đạt được Bồ-đề, là phụ thuộc vào mười Lực của Như Lai.

Thế nào là lực?

Người khác không thể hơn được. Như Trời, Người, A-tu-la... tất cả thế gian đều không thể phá hoại được.

Này Phấn Tấn Vương! Đó là giới thông, trí tuệ, phấn tấn. Phấn Tấn Vương! Giới thông, trí tuệ, phấn tấn này, nếu chúng sinh nào không gieo trồng thiện căn thì không thể nào nghe được. Nếu người nghe pháp môn này, mà tâm sinh hoan hỷ thì người này đối với phấn tấn có khả năng phấn tấn. Vì sao? Vì phấn tấn ấy, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đều không có.

Những gì mà Bồ-tát Phấn Tấn Vương thưa hỏi, Đức Thế Tôn đều đã trả lời. Nghe xong, Phấn Tấn Vương tâm sinh hoan hỷ, chấp tay hướng về Phật, nhất tâm chiêm ngưỡng, mắt không rời, thưa:

–Tất cả chúng sinh sẽ lấy bốn thứ phấn tấn như vậy để phấn tấn, cũng như Đức Thế Tôn, Chánh Biến Tri đã phấn tấn.

Khi ấy, trước Bồ-tát Phấn Tấn, Đức Như Lai phóng ra các thứ hoa đủ màu sắc vi diệu, đủ các thứ hương đặc biệt, hoa lá rất to. Bồ-tát liền hái hoa ấy tung lên Đức Như Lai, tất cả Bồ-tát và chúng hội. Tung lên như vậy rồi, tất cả những ai trong chúng hội được dính hoa ấy, đều thành kim tướng trang nghiêm, mọi người đều thấy.

Trong hư không, trăm ngàn chư Thiên thấy như thế, liền đồng thanh thưa:

–Thưa Thế Tôn! Nếu có người tin hiểu phấn tấn này, đã tin hiểu rồi đều có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như vậy người này đã dùng trang nghiêm của Phật, để tự trang nghiêm. Vì sao? Vì tất cả phấn tấn như thế, đều tùy thuận vào tâm của Nhất thiết trí.

Lại nữa, thưa Thế Tôn! Nếu có người chưa phát tâm Bồ-đề thì sẽ được nghe pháp môn phấn tấn không thể nghĩ bàn như vậy ở nơi nào?

Đức Thế Tôn liền khen các Thiên tử trong hư không:

–Hay thay, hay thay!

Khen rồi, Đức Thế Tôn quay sang bảo Bồ-tát Phấn Tấn:

–Này Phấn Tấn! Ta nghĩ về quá khứ Như Lai Nhiên Đăng ở thời

qua, kế trước đó có Đức Như Lai thứ bảy hiệu Phổ Vô Cấu Tịnh Quang Minh Vương, rộng nói pháp môn phấn tấn như vậy. Trong hội đó, có Bồ-tát tên Cụ Cảnh Giới, đem pháp môn này hỏi Như Lai ấy. Nhân đó, Đức Như Lai khai triển pháp môn này, làm cho tám ngàn chúng sinh được phấn tấn này, lại còn được pháp Nhẫn vô sinh, ba vạn hai ngàn chúng sinh trong hội đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đó ta được phấn tấn này và sau lại được Bồ-đề tròn đủ từ nơi Phật Nhiên Đăng.

Như vậy, Phấn Tấn Vương! Sau khi ta Niết-bàn, nếu ai có thể nghe pháp môn này, người ấy, giữ được tâm Bồ-đề và nhất định được pháp Nhẫn vô sinh.

Khi nói pháp môn phấn tấn này, chúng sinh trong hội, có ba vạn hai ngàn trời, người; tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Thiên tử ấy liền mưa xuống những thứ hoa, tấu lên trăm ngàn thứ Thiên nhạc, để cúng dường Như Lai. Nhờ Phật lực nên trong tiếng nhạc, lại phát ra tiếng vi diệu.

Nếu có chúng sinh tâm tin hiểu thù thắng, các căn dũng kiện lanh lẹ, tin hiểu pháp Phật thì tuệ hạnh được thành tựu. Gieo trồng thiện căn được như vậy, là nhờ đời trước, đã được Thiện tri thức giáo hóa. Có tâm đại Bi thương xót tất cả chúng sinh, đến lúc đó, mới được nghe pháp môn như vậy, nghe rồi tin hiểu thọ trì, đọc tụng.

Khi ấy, Bồ-tát Phấn Tấn Vương lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn có đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng. Vậy còn Bồ-tát có mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng không?

Phật đáp:

–Tất cả đều có. Nay Phấn Tấn Vương! Tất cả Bồ-tát trong Địa thứ tám, khi nghiệp được thành thực rồi mới được Địa thứ chín; đến lúc đó, mới đầy đủ biện tài đạt, không thoái nhẫn, khéo phụ thuộc vào tuệ Phương tiện ba-la-mật. Như vậy, Bồ-tát phải đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, thành tựu mười tám pháp Bất cộng mới được ở trong Địa thứ chín.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là mười Lực của Bồ-tát?

1. Lực làm phát khởi tất cả tâm trí, thâm tâm vững chắc, đầy đủ lòng đại Bi, không bỏ tất cả chúng sinh.

2. Lực không cầu tất cả tài lợi cúng dường hay danh tiếng và không ham thích các việc hy hữu ở thế gian.

3. Lực đầy đủ tâm đại Bi, tin hiểu pháp Phật một cách thanh tịnh rất ráo.

4. Lực phát khởi tâm siêng năng, không biếng nhác, càng làm tăng thêm sự tinh tấn, luôn giữ gìn oai nghi.

5. Lực không bị lay động, an trụ vào Tam-muội, lia nhị biên và thuận với pháp nhân duyên, mọi kiến hành đều tịch tĩnh.

6. Lực Bồ-tát phân biệt tất cả mà không phân biệt, mọi lưới nghi hý luận, Bồ-tát đều diệt sạch và đầy đủ Trí tuệ ba-la-mật.

7. Lực tạo mọi thành tựu đầy đủ cho tất cả chúng sinh, thấu giữ vô lượng sinh tử vẫn chưa đủ, mà còn phải thấu giữ tất cả thiện căn trong thế gian phải tin hiểu rằng, tất cả sinh tử ở thế gian đều như giấc mộng, đối với sinh tử không biết mệt mỏi.

8. Lực Bồ-tát quan sát pháp tánh vốn không chúng sinh, bản tánh không có mạng sống, không có Phú-già-la, tin hiểu các pháp không xuất, không sinh, đối với pháp luân tin hiểu không sinh và tất cả pháp luân Vô sinh hẳn.

9. Lực nhập vào Không, Vô tướng, Vô nguyện; quán môn giải thoát, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, giải thoát tri kiến, môn giải thoát.

10. Lực có khả năng tự biết đối với pháp thâm diệu và quán sát tất cả tâm hạnh của chúng sinh, tuy biết đầy đủ nhưng không bị chướng ngại.

Đây là mười Lực của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là bốn Vô sở úy của Bồ-tát?

1. Khi Bồ-tát được văn trì và thành tựu Đà-la-ni, rồi nhớ nghĩ không quên, nên thuyết pháp giữa đại chúng mà không có sợ hãi.

2. Bồ-tát tin hiểu các pháp đạt, được nhĩ lực, không sinh không xuất, tin hiểu pháp rồi liền được Nhĩ vô sinh. Được pháp nhĩ rồi nhập vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Bồ-tát được những pháp như thế rồi, dù thuyết pháp giữa chúng, vẫn không sợ hãi.

3. Bồ-tát đối với Thanh văn thừa, quán môn giải thoát, Bích-chi-phật thừa tin hiểu tri kiến; tin tất cả nhập và cũng tin giải thoát, như các chúng sinh bị bệnh cần đến thuốc. Nhờ vậy, mà biết về các căn, tạo mọi thành tựu đầy đủ cho tất cả chúng sinh, biết như vậy, mới nói pháp thích ứng cho mọi chúng sinh. Bồ-tát như vậy, tuy thuyết pháp giữa đại chúng, mà không có sợ hãi.

4. Đối với đại chúng Bồ-tát. Là sự hãi lúc này không để tâm vào Đông, Tây, Nam, Bắc. Nếu có người đến hỏi Bồ-tát, Bồ-tát không thể trả lời ngay, nhưng vẫn không sợ và cũng không thể hiện ra tướng sợ. Tất cả chúng sinh như vậy, nếu có vấn nạn, Bồ-tát đều có thể trả lời, như ai hỏi thế nào thì Bồ-tát trả lời thế ấy, không có sợ hãi, lại còn có khả năng đoạn tất cả tâm nghi của chúng sinh, thuyết pháp giữa đại chúng mà không sợ hãi.

Đây là bốn Vô sở úy của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là mười tám pháp Bất cộng của Bồ-tát?

Nghĩa là: Bồ-tát tuy không có người chỉ bảo, nhưng lại bỏ của cải để bố thí. Lại nữa, lúc mới sinh, Bồ-tát có thể khởi tâm xả của cải để bố thí. Lúc đó, nếu có ma vương hiện thân Phật, đến nói như vậy: “Nếu người bố thí thì sẽ đọa vào địa ngục”, nhưng Bồ-tát vẫn không sinh tham lam keo kiệt. Trái lại, Bồ-tát còn đem tất cả vật dụng ra bố thí, nhờ thế, mà tâm bố thí càng mạnh mẽ, thù thắng hơn. Bố thí như thế là tạo ra nhân Bồ-đề; nhưng Bồ-tát không mong cầu quả báo, nên tất cả công đức đó, đều đem hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Đây là pháp Bất cộng thứ nhất của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Khi Như Lai chưa ra đời, Bồ-tát không có người dạy, không có chỗ thọ giới, nhưng đối với Ba-la-đề-mộc-xoa Bồ-tát luôn tu hành chân chánh và mong cầu học, không bỏ pháp Bất cộng này. Bồ-tát tại gia thì y theo lời dạy mà hộ trì giới. Tuy không xuất gia, lại không có người dạy, nhưng Bồ-tát vẫn học theo lời dạy của Ba-la-đề-mộc-xoa; dù cho mất mạng, vẫn không bỏ học giới, tất cả học giới đều tùy thuận với Bồ-đề. Bồ-tát lúc nào cũng nguyện sẵn sàng đoạn hết tất cả chúng sinh phá giới. Đây là pháp Bất cộng thứ hai của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Nếu tất cả chúng sinh đều chửi mắng, nhục mạ, cắt đứt từng phần thân thể của Bồ-tát, nhưng Bồ-tát vẫn không sinh tâm sân giận; cho đến kẻ nghèo cùng hoặc Chiên-đà-la, hoặc Phú-già-bà, hoặc thợ làm nghề có đến chửi mắng, nhục mạ nhưng tâm Bồ-tát cũng không sinh tâm sân hận. Trái lại, còn dùng tâm Từ bi bao trùm khắp tất cả chúng sinh. Mặc dù Bồ-tát có đủ thế lực báo oán, nhưng lại không làm ác. Bồ-tát như vậy là tùy thuận pháp; chúng sinh như thế mới tạo nhân duyên pháp Phật với Bồ-tát. Bồ-tát như vậy luôn làm việc nhiều ích khiến cho tâm chúng sinh được tịch tĩnh; Bồ-tát luôn mặc áo giáp nhẫn nhục và khởi sức dũng mãnh. Đây là pháp Bất cộng thứ ba của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Dù có gây ra nhiều điều khổ não, đến với Bồ-tát, nhưng Bồ-tát luôn siêng năng tinh tấn tu hạnh Đầu-đà, không lúc nào sinh tâm nhu nhược. Thấy hàng Thanh văn vào Niết-bàn, hoặc có thấy khổ sinh tử, nhưng tâm không cầu Niết-bàn của Thanh văn. Thấy Duyên giác thừa nhập vào Niết-bàn, tuy thấy sinh tử là khổ, nhưng tâm cũng không cầu Niết-bàn của Duyên giác. Thấy Phật Thế Tôn với tất cả nghĩa, đã thành tựu tất cả pháp Phật, việc làm đã xong, nhập vào Niết-bàn. Bồ-tát biết chúng sinh chưa đủ năng lực, chưa đủ pháp Phật; nhưng tâm không mềm yếu trong việc khởi lòng tinh tấn, biết rằng rồi đây, ta sẽ Niết-bàn như Phật. Đây là pháp Bất cộng thứ tư của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Dù cho các hạng như Chuyển luân thánh vương, hoặc vua Đế Thích hoặc ma Tụ tại với phụ nữ vây quanh, có tấu lên các thứ thiên nhạc, tất cả âm nhạc vi diệu đều có đủ. Ở trong đó, Bồ-tát nhập thiền tu tập vô lượng, tâm luôn vui nơi pháp lìa dục, nhất quyết không chạy theo một lối nào khác. Tâm rất kinh sợ đối với sinh tử, đối với pháp dâm dục nên luôn sinh ý tưởng bất tịnh; ở nơi các ẩm, thường sinh ý tưởng oán ghét, đối với các giới sinh tưởng rắn độc, đối với các nhập, sinh ý tưởng không tụ; đối với quyến thuộc của mình, sinh ý tưởng chết; đối với phụ nữ, sinh tưởng như nghĩa địa. Tâm của Bồ-tát, lúc nào cũng mong cầu thấu giữ chánh pháp, hy vọng thấy Phật, để thân cận cúng dường. Tuy thế, nhưng không hủy bỏ tất cả chúng sinh. Bồ-tát lại còn có khả năng làm cho trong tiếng kỹ nhạc ca hát đó, hiện ra một phần tiếng thiên, ma nghe rồi tiếng kia liền diệt. Do thiện căn đời trước của Bồ-tát, nên ở trong hư không phát ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng. Lại nữa, Bồ-tát ấy, xả bỏ đất nước giàu có, ung dung đi vào núi rừng. Đây là pháp Bất cộng thứ năm của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Trong tất cả thiên định thế gian, Bồ-tát không sinh ý tưởng cho là chắc chắn, mà lại có hạnh trí tuệ sáng suốt, xa lìa các kết sử, tà kiến, nghĩa chấp pháp, cứ như vậy cho đến trong mộng, Bồ-tát cũng không sinh tự kiến, không sinh tha kiến, không sinh pháp kiến. Pháp bất cộng này, nếu có tự kiến, có kết sử kiến; do không có tự kiến, nên lìa được lưới nghi. Ma Ba-tuần không có khả năng sinh nó sinh nghi kiến; nếu có nghi kiến, tức đã xa lìa đối với pháp. Bồ-tát như vậy mới có thể là mọi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh, tạo nhiều lợi ích cho chúng sinh, không bị mê hoặc, không có tâm nghi. Đây là pháp Bất cộng thứ sáu của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát lìa tất cả sinh, không có dụng công, thân nghiệp thanh tịnh, lìa hẳn sát sinh, ban bố sự vô úy cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát không bao giờ dùng tay hay đất đá, gây gộc, dao búa làm hại chúng sinh. Bồ-tát luôn biết đủ với tài vật của mình; còn vật của người khác, dù một ngọn cỏ nếu không cho thì không lấy. Giá như châu báu có đầy cả mặt đất đi chẳng nữa, cũng không sinh tâm tham lam, thà mất mạng, chứ không sống tà mạng để cất giữ những thứ của cải, tài lợi, y phục, ăn uống; thường tu phạm hạnh, cho đến không sinh tâm ăn uống. Bồ-tát cứ như vậy, xa lìa dục, xa lìa tranh đấu và cắt đứt mọi phiền não, không hành pháp ác, dâm dục, chính đó là pháp Bất cộng của Bồ-tát. Bồ-tát lúc nào cũng suy nghĩ trước, rồi sau mới thành tựu thân nghiệp. Đây là pháp Bất cộng thứ bảy của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát khẩu nghiệp thanh tịnh, luôn nói lời chân thật, như thuyết tu hành, không dối gạt Như Lai, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân. Miệng không nói lời ác, không phá hoại quyến thuộc, luôn thương yêu quyến thuộc; miệng không nói ác, luôn nói lời yêu thương nhã nhặn; không nói lời thô lỗ, phải nói lời tương ứng, nói lời lợi ích; luôn nở nụ cười trước khi nói. Như vậy, Bồ-tát không nên nói những lời ác và những lời mà người khác không thích, làm phiền não giữa mình và người. Lời nói không trái với lương tâm. Nếu không thì nói không, nếu có thì nói có, nên nói lời thanh tịnh như vậy; nếu tin với tấm lòng sâu sắc như thế, sẽ được pháp Bất cộng. Bồ-tát dù sinh ra nơi nào, cũng thường nói năng như pháp, cũng tương ứng với pháp. Do lời nói được như vậy, nên có khả năng khiến cho những ai tâm không thanh tịnh; trở về với tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh rồi, có thể cúng dường. Do thâm tâm của pháp Bất cộng đó, nên thường được thật ngữ, hễ có nói ra thì đúng như lời nói không sai khác, tùy theo lời nói ấy, tất cả đều đúng như vậy. Đây là pháp Bất cộng thứ tám của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát tâm được tự tại, không tham, không sân, chánh kiến, không tà vạy. Như vậy, tâm Bồ-đề của Bồ-tát không có tâm nào sánh; tâm ấy, không bao giờ quên mất, lìa xa mọi tâm quanh co, tâm ô trọc, tâm tán loạn; ngày đêm thường hành tâm Từ thanh tịnh. Đây là pháp Bất cộng thứ chín của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát lúc mới sinh đã đầy đủ thế trí: Nào là chú tụng, y được, viết chép, in ấn, tính đếm, tất cả đều biết; rành rẽ về mọi nghệ thuật tinh xảo về mọi kỹ năng; thông hiểu các luận; biết rõ các pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Không từ nơi người khác,

mà thành tựu trí cho chính mình, không xem tướng người khác, tất cả trời, người. Bồ-tát quan sát nên có tâm như nếu Bồ-tát đem các pháp ấy, mà dạy ta thì ta nghe theo đó, mà tu học. Đây là pháp Bất cộng thứ mười của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát luôn đem mọi việc lợi ích cho chúng sinh; có khả năng trị liệu các chứng bệnh cho người khác, mà không mong cầu tài lợi, cúng dường hay tiếng khen. Bồ-tát luôn lấy đại Bi làm đầu, để trị liệu cho thế gian, sau đó mới khiến họ trụ vào pháp xuất thế gian. Như vậy, Bồ-tát phải thường nghĩ, giới ác làm khổ não chúng sinh như thế, vậy phải dùng cách gì, lúc nào, pháp gì để cho chúng sinh được giải thoát; khi đã được giải thoát rồi, mọi phiền não được đoạn diệt một cách rốt ráo. Đó là đoạn trừ tất cả khổ não; để trụ vào cái vui Niết-bàn rốt ráo. Đây là pháp Bất cộng thứ mười một của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát không mong cầu làm Đế Thích Thiên vương, hoặc Phạm Thiên vương, hoặc Chuyển luân vương, thống trị toàn đất nước. Tuy Bồ-tát không mong cầu làm Đế Thích Thiên vương, hoặc Phạm Thiên vương, hoặc Chuyển luân vương, thống trị toàn đất nước; nhưng nó vẫn tự nhiên đến. Bồ-tát không vì sắc đẹp, cầu phạm hạnh; không cầu sắc thân; không cầu quốc độ; không cầu quyền thuộc; không cầu giàu có; không cầu danh tiếng; không cầu sắc tướng. Những phạm hạnh như vậy, dù không mong cầu; nhưng vẫn được đầy đủ. Đây là pháp Bất cộng thứ mười hai của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát ở vào nước giàu có tốt đẹp, mà không biết niệm Phật, nhưng lại có chư Thiên đã từng thấy Phật, hướng dẫn khiến cho nhớ nghĩ. Trước quở trách, rồi sau đó nói: Pháp này nên làm, pháp này không nên làm; tạo nghiệp này thì sẽ được Bồ-đề. Nên nguyện như vậy: Người nên làm như thế, hành như thế, rồi điều phục các căn, vị lai sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chư Thiên dạy nhớ nghĩ như vậy, đối với đạo Bồ-đề. Bồ-tát không khởi, cũng không xả. Đây là pháp Bất cộng thứ mười ba của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Dù có người, nhiều ác, nhiều sân, tâm cấu bần; nhưng đối với Bồ-tát, người ấy, không thể gia hại. Bồ-tát đối với người ấy, cũng không báo ác. Người đại ác tâm nhiều sân hận kia, thân, miệng, ý khởi ác, mà thấy Bồ-tát thì tâm liền thanh tịnh. Vì sao? Vì đối với người ấy, Bồ-tát không trả ác báo, trái lại còn hướng dẫn người ác đó, trụ vào chánh pháp và khiến cho tâm thanh tịnh. Người kia tuy tạo

ác, nhưng lại nhờ vào lực của Bồ-tát, cho nên không bị đọa vào đường ác. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy từ xưa đến nay, được pháp Bất cộng và giới thanh tịnh đầy đủ như vậy. Lại còn có tâm như vậy: “Nếu có chúng sinh, hoặc đem thân nghiệp, hoặc đem khẩu nghiệp, hoặc đem ý nghiệp; khởi ác đối với ta; ta vẫn mong cầu sao, cho chúng sinh ấy, không đọa vào đường ác.” Bồ-tát nhờ có giới, cho nên tùy nguyện đều được thành tựu. Đây là pháp Bất cộng thứ mười bốn của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Nếu có chúng sinh bất tín, tâm luôn tham lam keo kiệt, tà kiến, biếng nhác, không tin nghiệp báo, xa lìa Phật, Pháp, Tăng; đối với Sa-môn, Bà-la-môn tâm không thanh tịnh, thấy không kính lễ, cũng không cúng dường, không sinh tâm kính trọng, không sinh tâm hy hữu. Chúng sinh đó, nếu thấy Bồ-tát liền trụ vào oai nghi, nghe Bồ-tát dạy, tâm liền thanh tịnh, nghênh đón, lễ bái, cung kính cúng dường, sinh tâm hy hữu. Vì sao? Vì nhờ năng lực của Bồ-tát ấy vậy. Đây là pháp Bất cộng thứ mười lăm của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Đối với chỗ Bồ-tát sinh ra, các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Tiên nhân, Bà-la-môn, luôn sinh ý tưởng là thầy, vì trong thế gian thầy là hơn hết. Do đó cho nên, tất cả đều tôn Bồ-tát làm thầy. Nhờ sức thần thông, nên khiến thế gian, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Tiên nhân, Bà-la-môn đều đến quy kính. Khi đến rồi đều theo lời dạy của Bồ-tát, lúc nào cũng thể hiện sự cung kính lễ bái, cúng dường. Những chúng sinh này, trước xin quy y, khi thấy Bồ-tát liền lễ bái, cung kính, tôn trọng, sinh ý tưởng tối thắng; nhờ thế mà lòng kính tin sâu xa. Đây là pháp Bất cộng thứ mười sáu của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát dù sinh ở đâu, dòng họ nào, hoặc thôn, hoặc thành, hoặc chỗ người hội họp; thì chúng sinh ở những nơi ấy, thiện căn đều tăng trưởng, diệt sạch các pháp bất thiện, tạo mọi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh, thấu giữ chánh pháp, được sinh vào nhà chánh kiến có cha mẹ chánh tín, chánh hạnh, chánh nhập. Dù ở nơi đâu hay chỗ của người nào, Bồ-tát cũng đều là bậc thầy tối thắng và được chúng sinh nơi ấy, cung kính cúng dường; không có một chúng sinh nào đọa vào địa ngục. Các chúng sinh nơi ấy, được Bồ-tát dẫn dắt thiện căn, nên sau khi chết, đều được sinh vào cõi trời hay cõi người. Đây là pháp Bất cộng thứ mười bảy của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Bồ-tát luôn tùy thuận tất cả Bồ-đề pháp phần và đạt được thần thông thù thắng. Do vậy, các ma không thể tìm được sơ hở. Đây là pháp Bất cộng thứ mười tám của Bồ-tát.

Này Phấn Tấn Vương! Thế nào là pháp Bất cộng? Tất cả pháp

Phật chánh hạnh tùy thuận, cho nên gọi là pháp Bất cộng.

Khi ấy, Bồ-tát Phấn Tấn Vương, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Chỉ có Đức Như Lai mới có thể ban đại pháp quang minh cho các Bồ-tát và cũng chỉ có Đức Như Lai, mới có thể tạo ra Vô lượng quang minh thù thắng. Như con hiểu được nghĩa pháp mà Như Lai đã nói: Nếu có Bồ-tát nghe pháp môn này, dù chỉ nghe qua một lần, tâm liền được thanh tịnh, còn các kinh khác, không được như vậy. Chúng sinh ấy, sau khi nghe rồi, thọ trì đọc tụng thì nhất định thâm giữ được các pháp Phật. Nếu người nào, đối với pháp môn này, quan sát đúng, là đã tu tất cả pháp Phật. Nếu đối với pháp môn này, đạt được pháp nhẫn thì là tùy thuận nhẫn. Nếu có khả năng thực hành pháp môn này, đã tu hành tất cả pháp Phật. Cần phải biết như thế.

Lại nữa, thưa Thế Tôn! Nếu người nào, không lìa pháp môn này, người ấy đạt được thần thông. Như vậy, khi Bồ-tát đã được thần thông rồi thì sẽ trụ vào đạo tràng?

Phật nói:

–Đúng thế, đúng thế! Nay Phấn Tấn Vương! Đúng như ông nói: “Nếu người nào, không lìa pháp môn này, người ấy được thần thông và khi đã được thần thông rồi thì sẽ trụ vào đạo tràng.”

Nay Phấn Tấn Vương! Vào thuở quá khứ xa xưa, trước cả Phật Nhiên Đăng; có Đức Phật hiệu là Ba-đa-bà-na, trước đó rất lâu, lại có Phật hiệu Đề-sa; trước đó rất lâu lại có Phật hiệu Phát-sa; trước đó rất lâu, lại có Phật hiệu Ba-trừ-đại; trước đó rất lâu nữa, lại có Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác hiệu Thiên Vương, xuất hiện ở đời. Ở thế giới của Phật Như Lai Thiên Vương, tất cả đều được sung túc, an ổn, vui sướng, trời người đông đúc; đất đai bằng phẳng như lòng bàn tay. Các thứ Tỳ-lưu-ly, vàng Diêm-phù đàn và hoa Bát-đầu-ma xen tạp lẫn nhau; đất đó rất mịn, khi rờ vào thấy nó mềm mại như lông chim Ca-giá-lân-đề. Muôn dân an lạc, như cõi trời Đâu-suất-đà; còn các thứ ăn uống đều tùy theo ý muốn mà được. Về phần thân sắc hình tướng, các nơi vui chơi và các cung điện không khác gì nơi chư Thiên, chỉ có khác nhau giữa tên gọi trời và người mà thôi.

Trong ba ngàn cõi ấy, lại không có vua, chỉ có Như Lai, nên gọi là Thiên Vương. Ví như Chuyển luân thánh vương ngồi tòa nhiều ích, đem pháp trị dân, chứ không phải phi pháp. Đức Như Lai Thiên Vương

cũng lại như vậy; ngôi pháp tòa Sư tử, thuyết pháp cho các hàng trời, người. Lúc Thế Tôn ấy, sắp nói pháp, tất cả chúng sinh từ phương Đông, Tây, Nam, Bắc ngang dọc tám vạn bốn ngàn do-tuần, đều đến đầy đủ. Khi đến đông đủ rồi, Đức Như Lai ấy, nói pháp tiếng vang đến ba ngàn cõi; các hàng trời, người cúng dường, cung kính, lễ bái, tôn trọng Như Lai, đó cũng là sự cúng dường đối với vô thượng pháp Phật. Chúng sinh nơi ấy, không tin hiểu việc thấp hèn chỉ tin hiểu pháp Phật. Như vậy, nơi ấy không có tên Thanh văn, Duyên giác, không có chỗ nương, hướng gì có thừa ấy và có người hành thừa ấy, chỉ có Đại Bồ-tát thanh tịnh, đứng xung quanh Đức Thế Tôn. Nơi ấy, thanh tịnh không có người nữ, cả đến tiếng dục, cũng không nghe.

Chúng sinh nơi ấy, đều hóa sinh từ hoa sen và ngôi kiết già trên hoa sen. Các hàng trời, người ở cõi ấy, hưởng ba thứ vui: Một là thấy Như Lai vui, hai là nghe pháp vui, ba là quan sát chánh pháp lia dục vui. Tâm của hàng trời, người không có buông lung, lại nói pháp cho nhau và của cải luôn được đầy đủ; siêng năng tinh tấn, sống lâu vô lượng vô số. Khi nghiệp hết, không còn thọ sinh thì đến các cõi khác, sinh vào thế giới Phật. Như vậy, khi Bồ-tát sắp lâm chung, liền bay lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, nói: “Nay ta nhập diệt ở thế giới Phật này.”

Vô lượng Bồ-tát nghe lời ấy rồi, cùng nhau đến chúng hội, quán xem Bồ-tát kia thị hiện pháp nhãn và nói như vậy: Ông nhập diệt nơi pháp nào? Sinh nơi pháp nào?

Bồ-tát sắp nhập diệt kia, ở giữa chúng hội, nói lời như vậy “Chư vị nên biết, không có một pháp nào hoặc diệt, hoặc sinh. Đức Như Lai giác ngộ biết tất cả các pháp đều không có diệt, không có sinh. Không phải sắc có diệt, không phải sắc có sinh; không phải thọ, tưởng, hành, thức có diệt, có sinh. Trong Đệ nhất nghĩa, không có ngã, không có mạng, cũng không chúng sinh, không Phú-già-la, không có Nhân phi nhân hoặc diệt hoặc sinh. Thế Tôn chánh giác biết tất cả các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện; trong pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện ấy; thì không diệt, không sinh. Như Lai Thế Tôn chứng ly dục tế, chứng vô vi tế, chứng bất sinh tế, chẳng phải bất sinh tế có diệt có sinh. Không có nhân duyên diệt, cho nên không diệt; không có nhân duyên sinh thì không hòa hợp nhau, cho nên không sinh. Nhân duyên như vậy, không có hòa hợp, không diệt không sinh.”

Bồ-tát ấy, nói pháp cho các Bồ-tát xong, rồi mới nhập diệt. Sau khi Bồ-tát nhập diệt như vậy rồi, da, thân, tro đất đều không có, không

thể thấy biết. Diệt rồi, lại đến một thế giới của Phật khác, hiện thấy Như Lai.

Đức Đại vương Như Lai và các Bồ-tát không mặc ca-sa, tất cả đều mặc Thiên y đẹp đẽ, thanh tịnh, vi diệu. Các Bồ-tát tuy không học giới, nhưng tất cả đều điều phục, tùy thuận và tất cả đều đạt pháp Nhẫn vô sinh, Đức Phật ấy không rộng giảng pháp cho các Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả đại chúng nghe ít mà hiểu nhiều, nhờ ở nơi lợi căn vậy. Nếu Đức Như Lai kia, ở trong chúng hội nói pháp cho các Bồ-tát thì sẽ làm cho hàng trời, người ở các cõi và các thế giới Phật khác cũng đều biết; các chúng sinh ấy, hoặc có người được nhẫn, có người được Đà-la-ni, có người đạt biện tài, có người được Tam-muội. Do thế, mà danh tiếng của Như Lai vang khắp mười phương.

Này Phấn Tấn Vương! Như Lai Thiên Vương đã vì các hàng trời, người mà rộng diễn, phân biệt pháp môn này và thọ ký cho bảy vạn hai ngàn Bồ-tát. Trong đó có Bồ-tát, tên là Vô Cấu Thanh Tịnh Quang Minh không được thọ ký, nên liền nghĩ như vậy: Các Bồ-tát này, oai nghi vô ngại, nhớ nghĩ, thực hành, trí tuệ, thần thông, Đà-la-ni và các Tam-muội đều không bằng ta, nhưng lại được thọ ký. Còn ta, vì lý do gì mà không được thọ ký!

Đức Như Lai Thiên Vương biết được tâm niệm của Bồ-tát ấy, nên nói:

–Đến đời vị lai, ông sẽ được thọ ký. Này thiện nam! Đời vị lai Đức Như Lai Nhiên Đăng, Ứng Cúng Chánh Biến Tri sẽ thọ ký cho ông.

Nghe thế, Bồ-tát Vô Cấu Thanh Tịnh Quang Minh, tâm sinh hoan hỷ, liền bay lên hư không, nói:

–Đời vị lai hằng hà sa kiếp, Như Lai Nhiên Đăng xuất hiện nơi đời; đến lúc đó, ta được Nhất thiết trí. Như Lai nói đúng, Như Lai nói chân thật, không thể nói khác đi.

Này Phấn Tấn Vương! Ý ông nghĩ sao? Đại Bồ-tát Vô Cấu Thanh Tịnh Quang Minh thuở đó, đâu phải người nào lạ, ông chớ quán đâu khác. Vì sao? Vì ta là Bồ-tát Vô Cấu Thanh Tịnh Quang Minh thuở đó đây.

Này Phấn Tấn Vương! Về sau, thời Như Lai Ba-trừ-đại, ta cúng dường Đức Phật ấy; Đức Phật ấy nói pháp môn này cho ta, ta nghe rồi thọ trì, đọc tụng và đạt được Tam-muội Quang ẩn; tiếp theo thời Như

Lai Phát-sa, ta cúng dường Đức Phật ấy và được nghe pháp môn này, nghe rồi thọ trì, đọc tụng và được Tam-muội Quang minh; tiếp đến ta cúng dường Đức Phật Đề-sa, được nghe pháp môn này, rồi thọ trì, đọc tụng và đạt được Tam-muội Tỳ-lô-giá-na; kế nữa cúng dường Như Lai Thế Tôn Ba-đa-bát-na và được nghe pháp môn này, rồi thọ trì, đọc tụng, lại đạt được nhẫn nhu thuận; kế sau nữa, cúng dường Phật Như Lai Nhiên Đăng, cho đến lúc đó, ta mới được pháp Nhẫn vô sinh và bốn thứ phấn tấn. Đó là giới phấn tấn, thần thông phấn tấn, trí phấn tấn và tuệ phấn tấn.

Này Phấn Tấn Vương! Pháp môn này, cần phải khéo biết như vậy. Nếu có người nào, hoặc thiện nam, hoặc thiện nữ, hành hạnh Bồ-tát, nay ở chỗ ta, nghe pháp môn này thọ trì, đọc tụng, sẽ mau chóng đạt được thần thông Bồ-đề, được phấn tấn. Khi được phấn tấn rồi, chuyển đại pháp luân và đạt trí quang minh từ trong pháp vô thượng quang minh.

Khi Như Lai nói pháp môn này, có một vạn sáu ngàn Bồ-tát ở trong chúng hội, đều được pháp nhẫn, một vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề; tam thiên đại thiên thế giới chấn động, trăm ngàn chư Thiên cùng tán thán:

–Nếu pháp môn này ở tại đâu thì nơi đó có Phật. Nếu có chúng sinh nào gieo trồng thiện căn sâu xa, mới được nghe pháp môn này.

Lúc đó, Tuệ mạng A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn này tên là gì? Và cách phụng trì ra sao?

Phật bảo A-nan:

–Pháp môn này tên là Pháp Môn Bốn Phấn Tấn Thần Thông và thọ trì như vậy.

Nghe Như Lai nói thế rồi, Bồ-tát Phấn Tấn Vương, Tuệ mạng A-nan-đà và các hàng Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la... đều hoan hỷ khen ngợi.

